

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được lợi nhuận. Lợi nhuận càng cao thì khả năng cạnh tranh càng có ưu thế. Việc tìm hiểu sản xuất cái gì?, sản xuất như thế nào?, sản xuất cho ai? Doanh nghiệp cần phấn đấu giảm giá thành, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm chi phí bán hàng, giảm chi phí quản lý, đẩy mạnh tiêu thụ hàng bán ra, tăng doanh thu bán hàng nhằm thu được nhiều lợi nhuận hơn nữa để có nguồn đầu tư và phát triển sản xuất.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng. Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó nên trong thời gian thực tập tại công ty nhờ sự chỉ bảo hướng dẫn của T.s Lưu Đức Tuyên em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: " Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức". Luận văn

của em gồm 3 phần:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực tế về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, của các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của thầy giáo - T.s Lưu Đức Tuyên, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài luận văn của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của ban Giám đốc, cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng các thầy cô giáo, các bạn để bài luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn T.s Lưu Đức Tuyên, các thầy cô và các cô chú trong công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.....tháng...năm.....

Sinh viên

Trần Thị Thùy

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

1.1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, thu nhập

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo qui định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính.

Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tiêu thụ hàng hoá mang lại doanh thu cho doanh nghiệp đồng thời thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Thông qua tiêu thụ giá trị hàng hoá được thực hiện, các vấn đề liên quan đến hàng hoá được xác định như: số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Tiêu thụ xét trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân là điều kiện cần thiết để tái sản xuất xã hội. Đảm bảo tiêu thụ là đảm bảo duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất.

Kết quả tiêu thụ hàng hoá có tỉ trọng không nhỏ trong kết quả kinh doanh. Nó là một phần cấu thành của kết quả kinh doanh và ngược lại kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đưa ra quyết định về tiêu thụ hàng hoá. Nói cách khác, kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp còn tiêu thụ hàng hoá là phương thức để hoàn thành mục tiêu đó.

Việc xác định kết quả tiêu thụ giúp cho việc xác định đúng kết quả kinh doanh thể hiện chính xác năng lực kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá là điều cần thiết.

1.1.1.2. Ý nghĩa vai trò của việc hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất

quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.2. Yêu cầu quản lý

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý

Đối với doanh thu, tiêu thụ thì yêu cầu quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hoá về số lượng, chất lượng giá trị hàng hoá bán ra bao gồm quản lý từ khâu mua, khâu bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng nội dung như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hoá xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.
- Quản lý về giá cả bao gồm: Việc lập dự định về theo dõi việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.
- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Quản lý tiêu thụ hàng hoá tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý việc xác định kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hoá, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

1.1.2.2. Nhiệm vụ

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hoá bán hàng xác định kết quả kinh doanh và phân phối kinh doanh của các hoạt động kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản phải thu,

các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng. Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU

1.2.1. Khái niệm doanh thu

Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.2. Phân loại doanh thu

Doanh thu gồm 3 loại:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu bất động sản đầu tư.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

1.2.3. Xác định doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu.

Giá trị hợp lý là giá trị cụ thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thoả thuận của doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản đó. Nếu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản giảm trừ.

Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị doanh thu các khoản sẽ thu trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị

doanh nghiệp sẽ thu được trong tương lai. Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản thân giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hàng hoá hoặc dịch vụ nhận về sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hoá dịch vụ đem trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

1.2.4. Quy định về ghi nhận doanh thu

1.2.4.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Nội dung

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 đã chỉ rõ: doanh thu là tổng giá trị những lợi ích kinh tế của doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu hoặc các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau (doanh thu các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). Trong đó, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Khoản doanh thu này phát sinh từ các giao dịch thuộc hoạt động bán hàng (là hoạt động bán sản phẩm do

doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá do doanh nghiệp mua vào) và hoạt động cung cấp dịch vụ (là việc thực hiện công việc mà doanh nghiệp đã thoả thuận với người mua theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán) theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hay bên sử dụng tài sản. Đó chính là doanh thu thuần về tiêu thụ và được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được (là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá) sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Được ghi nhận đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau: Theo chuẩn mực số 14 (ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/ QĐ- BTC):

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua trong từng trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hoá cho người mua.

Trường hợp doanh nghiệp còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá dưới nhiều hình thức khác nhau như:

- Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo tài sản được hoạt động bình thường mà điều này không nằm trong điều khoản bảo hành thông thường.

- Khi việc thanh toán bán hàng còn chưa chắc chắn vì còn phụ thuộc vào người mua hàng hoá đó.

- Khi hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và phần lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

- Khi người đó có quyền huỷ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

- Nếu doanh nghiệp chỉ còn chịu một phần rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì việc bán hàng được xác nhận và doanh thu được ghi nhận. Ví dụ doanh nghiệp cầm giữ giấy tờ về quyền sở hữu hàng hoá chỉ để đảm bảo sẽ được nhận đầy đủ các khoản thanh toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không chắc chắn đã xử lý xong. Nếu doanh thu đã được xác nhận trong trường hợp chưa thu được tiền thì khi xác định khoản tiền nợ phải thu này không thu được thì phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không được ghi giảm doanh thu. Khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo phương pháp phù hợp. Các chi phí khác kể cả chi phí phát sinh sau ngày giao hàng (như chi phí bảo hành và chi phí khác) thường được xác định chắc chắn khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thoả mãn. Các khoản tiền nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu mà được ghi nhận là một khoản nợ phải trả tại thời điểm nhận trước tiền của khách hàng. Khoản nợ phải trả của số tiền nhận trước của khách hàng chỉ được ghi nhận

doanh thu khi thoả mãn 5 quy định doanh thu ở trên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được thoả mãn khi thoả mãn cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.4.2 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BDS) là bao gồm: Quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý.
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận là toàn bộ giá bán (giá bán chưa có thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế)

Trường hợp bất động sản đầu tư theo phương pháp trả chậm thì doanh thu được xác định theo giá bán trả ngay (giá bán chưa có thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế). Khoản chênh lệch giữa bán trả chậm và bán trả ngay và thuế GTGT được ghi nhận là doanh thu tiền lãi chưa thực hiện theo quy định của

chuẩn mực kế toán số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”

1.2.4.2 Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu được phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền và cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên thời gian và lãi xuất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Lãi suất thực tế là tỷ lệ lãi dùng để quy đổi các khoản tiền nhận được trong tương lai trong suốt thời gian cho các bên sử dụng tài sản về giá trị ghi nhận ban đầu tại thời điểm chuyển giao tài sản cho bên sử dụng.
- Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại các khoản đầu tư đó, thì khi thu được khoản lãi từ việc đầu tư đó, doanh nghiệp phải phân bổ vào các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi cả các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới ghi nhận là doanh thu của doanh nghiệp. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư chưa được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.
- Tiền bản quyền được dồn tích căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng hoặc tính trên cơ sở hợp đồng từng lần.
- Doanh thu được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi được khoản mà trước đó ghi nhận vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi hoặc không chắc chắn thu hồi được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

1.2.5 Chứng từ kế toán sử dụng

1.2.5.1. Tài khoản để sử dụng hạch toán doanh thu

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 512: Doanh thu nội bộ
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5.2. Nội dung

Tài khoản sử dụng: TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản chi tiết:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

Các chứng từ có liên quan:

Các chứng từ kế toán:

- + Hoá đơn bán hàng(hoá đơn GTGT)
- + Phiếu xuất kho
- + Biên bản bàn giao hàng hoá, thành phẩm
- + Sổ chi tiết, sổ cái...
- + Chứng từ tính thuế
- + Phiếu thu tiền mặt
- + Giấy báo có của ngân hàng.

Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cần tôn trọng một số quy định sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỉ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi nhận ban đầu do những nguyên nhân sau: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo về quy cách phẩm chất, ghi nhận trong hợp đồng kinh tế) và doanh nghiệp phải nộp thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với những sản phẩm, hàng hoá chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu.

- Đối với doanh nghiệp ghi nhận bán hàng theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền hoa hồng được hưởng.

- Đối với những doanh nghiệp nhận gia công chế biến chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công chế biến nhận được không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công chế biến.

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là trả tiền ngay, lãi trả chậm, trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với doanh thu cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê trong nhiều năm thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kì nhận trước tiền.

- Đối với những doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Nhà Nước được nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền được nhà nước trợ cấp trợ giá.

- Trong trường hợp doanh nghiệp đã xuất hoá đơn và thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ chưa bàn giao cho khách hàng thì được ghi vào bên có tài khoản phải thu của khách hàng.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa công ty, tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ cung cấp cho nhau giữa tổng công ty với các đơn vị thành viên.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi(chưa được xác định là đã bán)

+ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 512: Doanh thu nội bộ

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

Tài khoản chi tiết:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

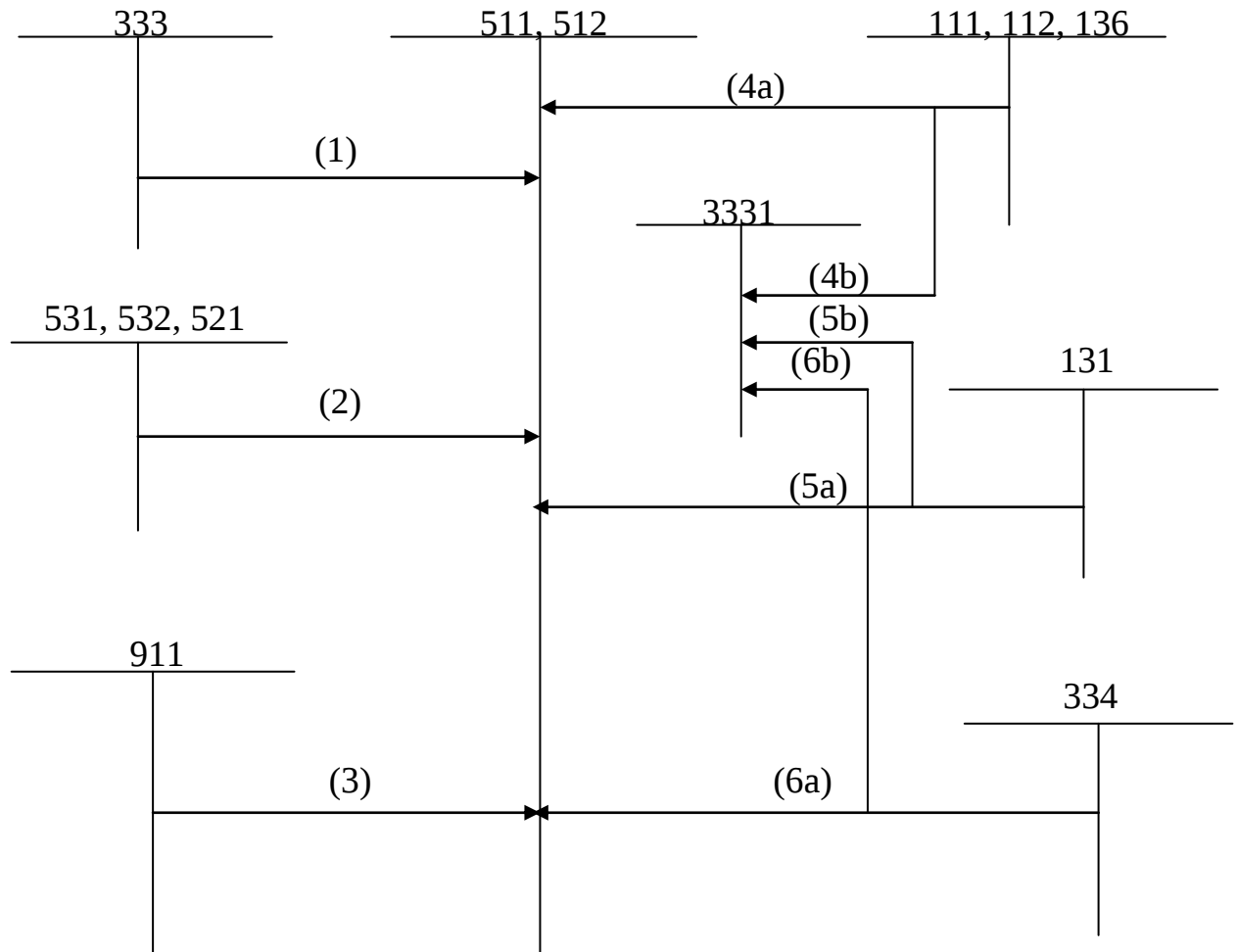
TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Nội dung phản ánh của TK 512 cũng giống như TK 511

Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng qua từng phương thức:

**Sơ đồ 01: Kế toán tập hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**

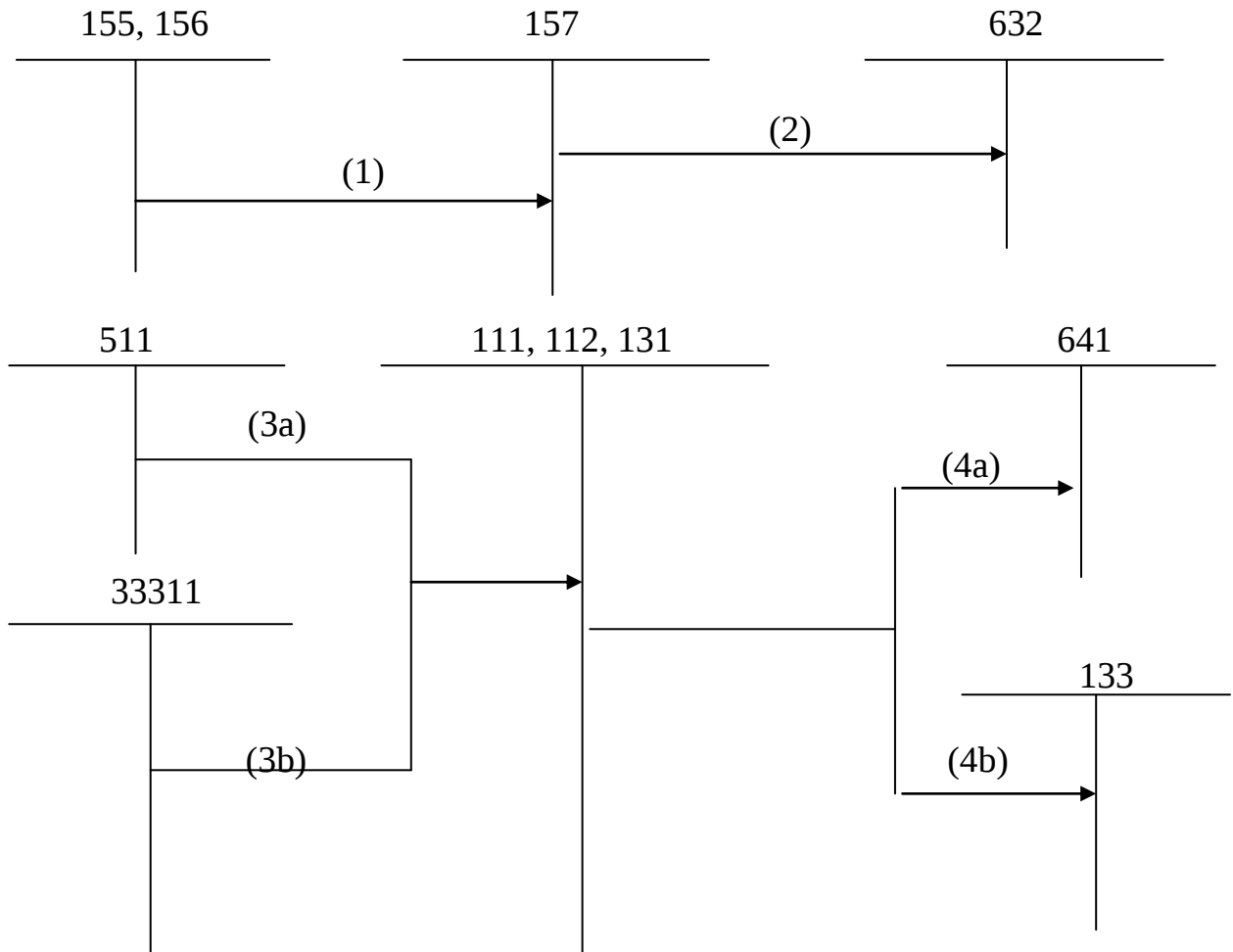


Ghi chú:

- (1) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp
- (2) Cuối kỳ kết chuyển CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ
- (3) Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần
- (4a) Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá
- (4b) Thuế GTGT hàng hoá đầu ra do bán sản phẩm, hàng hoá

- (5a) Bán hàng theo phương thức đổi hàng
- (5b) Thuế GTGT đầu ra theo phương thức đổi hàng
- (6a) Trả lương bằng sản phẩm, hàng hoá
- (6b) Thuế GTGT đầu ra của sản phẩm, hàng hoá dùng trả lương cho công nhân viên.

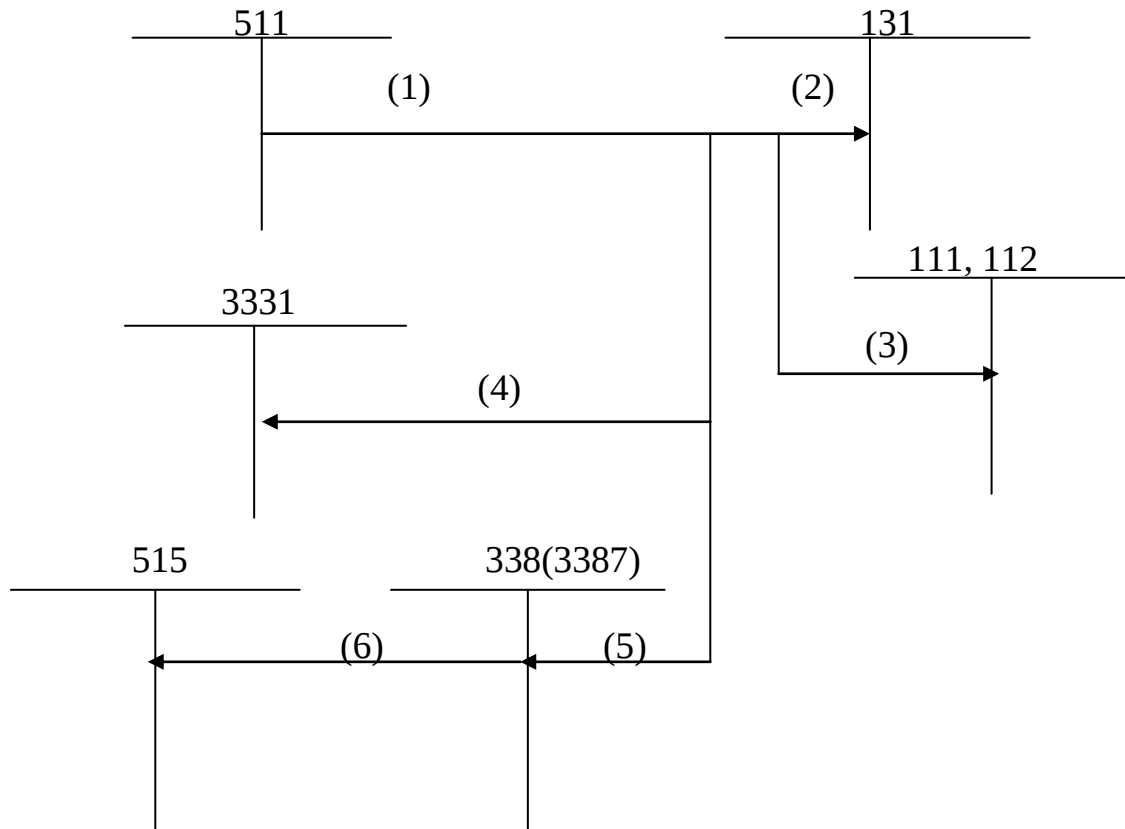
**Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).**



Ghi chú:

- (1) Khi xuất kho thành phẩm, hàng hoá giao cho các đại lý(theo phương pháp kê khai thường xuyên).
- (2) Khi thành phẩm, hàng hoá giao đại lý bán được
- (3a) Doanh thu bán đại lý
- (3b) Thuế GTGT đầu ra
- (4a) Hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý
- (4b) Thuế GTGT đầu vào

**Sơ đồ 03: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm
(hoặc trả góp)**



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng (ghi theo giá bán trả tiền ngay)
- (2) Tổng số tiền còn phải thu của khách hàng
- (3) Số tiền đã thu của khách hàng
- (4) Thuế GTGT đầu ra
- (5) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu khách hàng
- (6) Định kỳ kết chuyển doanh thu là tiền lãi phải thu từng kỳ

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính, hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp khi đồng thời thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, thu lãi bán hàng trả chậm, bán hàng trả góp
- Lãi do bán, chuyển nhượng công cụ tài chính, đầu tư liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư liên kết, đầu tư vào công ty con.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Chênh lệch lãi do mua bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư hàng hoá, dịch vụ, TSCĐ.
- Thu nhập khác liên quan đến hoạt động tài chính.

Ngoài ra để hạch toán doanh thu kế toán còn sử dụng tài khoản 3387 – Doanh thu chưa thực hiện.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

1.3. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được theo dõi chi tiết riêng trên từng tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

Doanh thu thuần		Tổng doanh thu		Các khoản
bán hàng và cung	=	bán hàng và cung	-	giảm trừ
cấp dịch vụ		cấp dịch vụ		doanh thu

1.3.1. Kế toán chiết khấu thương mại

Tài khoản sử dụng : TK 521 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ

dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Kế toán dùng tài khoản 521 và một số tài khoản liên quan để phản ánh kế toán chiết khấu thương mại.

Tài khoản chi tiết:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Hạch toán tài khoản 521 cần tôn trọng một số nguyên tắc sau:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu này thì được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền ghi trên hoá đơn cuối cùng thì phải chi trả tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các tài khoản này được ghi vào TK521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá bán đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phải phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết tài khoản chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như: Bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ vào bên nợ của TK521. Cuối kỳ khoản chiết khấu thương mại kết chuyển sang TK511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá dịch vụ thực hiện trong kỳ hạch toán.

1.3.2. Kế toán hàng bán bị trả lại

Tài khoản sử dụng: TK 531 - Hàng bán bị trả lại

Doanh thu hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hoá đã xác định đã tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách chủng loại.

Hàng bán bị trả lại nhập kho thành phẩm hàng hoá và xử lý theo chế độ hiện hành (QĐ 15/2006 – BTC):

- Trường hợp người bán hàng đã xuất hoá đơn, người mua chấp nhận nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại một bộ phận hoặc toàn bộ hàng hoá, khi xuất trả lại cho người bán, bên mua phải lập hoá đơn, trên hoá đơn ghi rõ hàng hoá bị trả lại người bán do không đúng quy cách chủng loại, quy cách, tiền thuế GTGT. Hoá đơn này là căn cứ để bên bán điều chỉnh doanh số mua và số thuế GTGT đã kê khai.

- Trường hợp người bán đã xuất hàng và lập hoá đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng mua không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng, khi trả lại hàng bên mua phải lập biên bản ghi rõ loại hàng hoá, số lượng, giá trị chưa có tiền thuế GTGT, tiền thuế GTGT lý do trả hàng theo hoá đơn bán hàng (số ký hiệu, ngày tháng của hoá đơn) đồng thời kèm theo hoá đơn gửi trả lại cho bên bán để lập lại hoá đơn GTGT theo số lượng hàng hoá đã nhận làm căn cứ để bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGT đầu ra.

1.3.3. Kế toán giảm giá hàng bán

Tài khoản sử dụng: TK 532 - Giảm giá hàng bán

TK này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn(giảm giá ngoài hoá đơn) do

hàng bán kém, mất phẩm chất.

1.4 KẾ TOÁN CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC

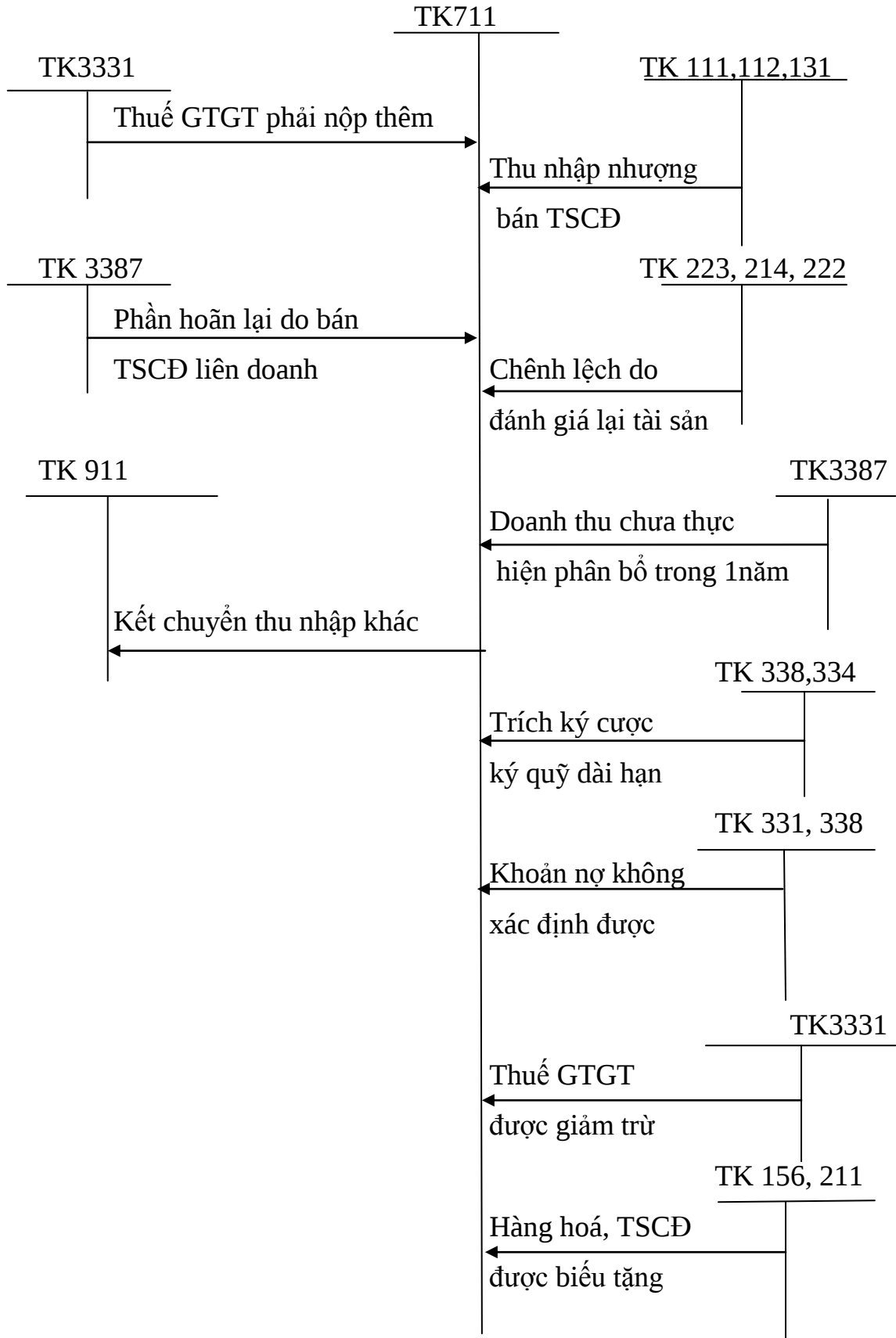
Thu nhập khác là cá thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh ký TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, sản phẩm, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết hay đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ bán và thuê lại tài sản cố định
- Các khoản thu nhập khác như: tiền thu được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi...

Các khoản thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đều phải có chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán.

Để phản ánh các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 711. Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác 111,112,131,152...

Sơ đồ 04: Các khoản thu nhập khác



Để xác định được kết quả kinh doanh, ngoài việc xác định doanh thu, còn phải xác định các khoản chi phí tương ứng.

1.5. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN CHI PHÍ

1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.1.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn hàng bán là thực tế (giá gốc) ghi sổ.

1.5.1.2. Nội dung

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm (đơn vị sản xuất) là giá mua hàng hoá cộng chi phí thu mua hàng hoá (công ty thương mại).

Giá vốn tại đơn vị sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp: chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ thuộc danh sách quản lý của doanh nghiệp và cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc như: Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương.
- Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung bao gồm toàn bộ chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, gồm: lương nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả của nhân viên phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất...

Có các phương pháp sau:

- Xuất kho theo giá thực tế:

** Phương pháp bình quân gia quyền:*

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất * Đơn giá thực tế bình quân

<i>Đơn giá thực tế bình quân</i>	<i>=</i>	<i>$\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$</i>
---	-----------------	--

Nếu sau mỗi lần nhập xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn.

** Phương pháp nhập trước, xuất trước (pp FIFO):*

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá mới của những lần nhập sau cùng.

** Phương pháp nhập sau, xuất trước (pp LIFO):*

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc: trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá cũ của các lần nhập trước đó.

** Phương pháp thực tế đích danh:*

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

** Giá hạch toán*

Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật liệu, hàng hoá nhiều chủng loại, phức tạp, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên nên việc xác định đơn giá xuất kho hết sức khó khăn, tốn kém và không hiệu quả nên các đơn vị này sử dụng giá hạch toán để tính giá xuất kho.

$$\frac{\text{Giá trị hàng xuất kho}}{\text{theo giá hạch toán}} = \frac{\text{Số lượng hàng}}{\text{xuất kho}} * \text{Đơn giá hạch toán}$$

Cuối kỳ, kế toán xác định giá thực tế xuất kho để điều chỉnh lại đơn giá xuất kho.

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Hệ số chênh lệch} * \text{Giá hạch toán từng loại}$$

Hệ số chênh lệch	=	Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ	+	Giá thực tế hàng nhập trong kỳ
		Giá hạch toán hàng tồn đầu kỳ	+	Giá hạch toán hàng nhập trong kỳ

* Các phương thức bán hàng:

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.

- Bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán, gửi hàng đại lý, ký gửi: Bán hàng đại lý, ký gửi là phương thức bên chủ hàng(bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi(gọi là bên nhận đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Bán hàng theo phương thức trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo là bằng nhau trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Theo phương pháp trả góp về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người

mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

1.5.1.3. Chứng từ sử dụng đối với giá vốn

- Phiếu nhập kho: Dùng để xác định trị giá hàng hoá, sản phẩm, vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho và là căn cứ để thủ kho ghi vào thẻ kho, làm chứng từ kế toán ghi vào sổ. Tất cả vật tư hàng hoá, công cụ,... xuất kho phải lập phiếu xuất kho.

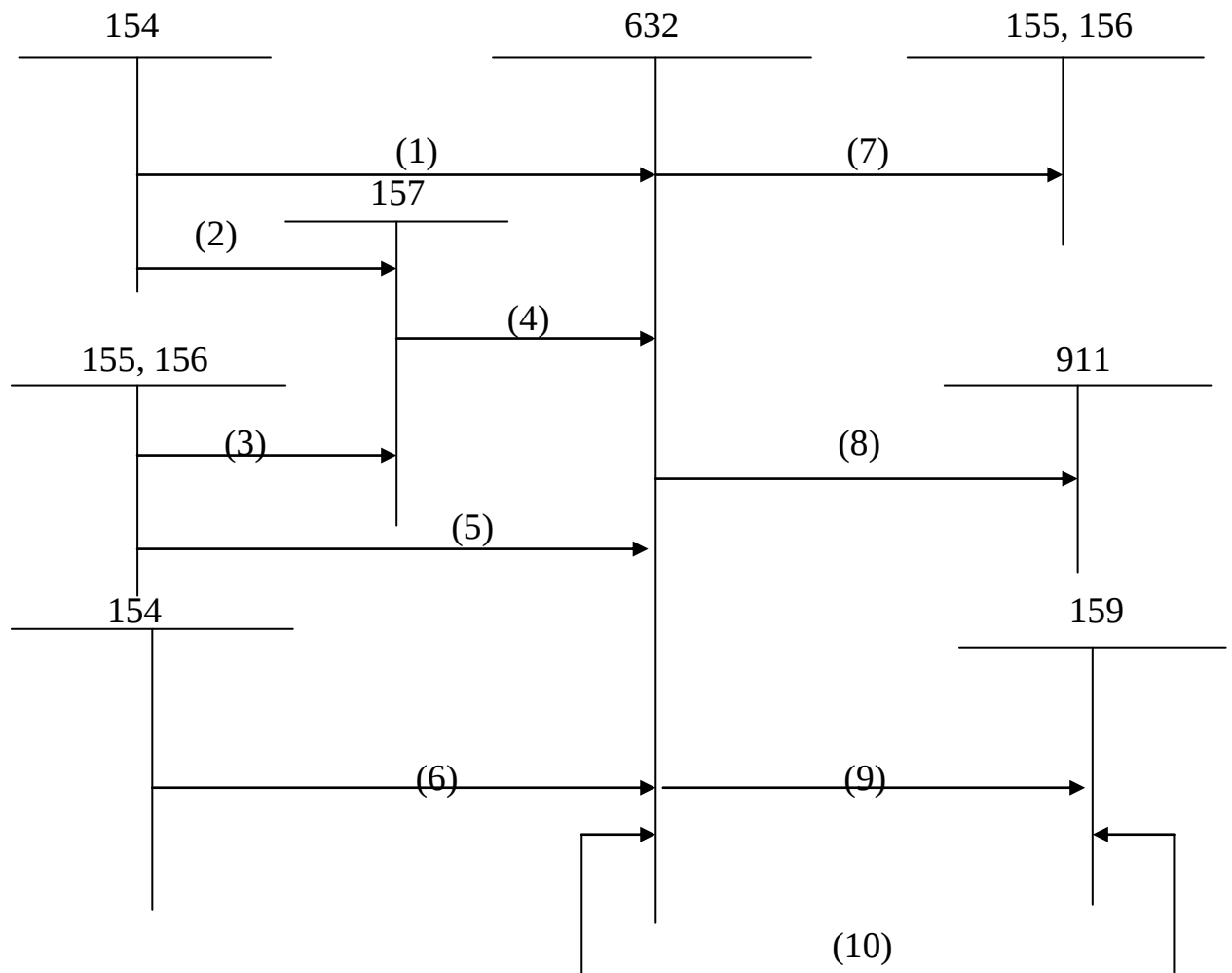
- Tờ kê chi tiết TK 632
- Thông báo của đại lý về hàng ký gửi đã xác định được tiêu thụ
- Các sổ chi tiết có liên quan
- Giấy tờ phát sinh chứng minh hàng bán bị trả lại
- Phiếu xuất kho thành phẩm hàng hoá khi xuất kho thành phẩm để bán trực tiếp cho khách hàng hoặc gửi đi.

Khi hạch toán giá vốn cần tôn trọng một số nguyên tắc sau:

Tuỳ theo tình hình áp dụng giá xuất kho tại công ty mà kế toán sẽ hạch toán khác nhau. Đối với đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên thì kế toán hạch toán giá xuất kho thường xuyên theo trình tự thời gian, còn nếu áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì giá xuất kho được xác định vào cuối kỳ.

Và các tài khoản được áp dụng: TK 154, 155, 632, 333, 531, 532, 511, 111, 112, 131, 1368,...

Sơ đồ 05: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Ghi chú:

- (1) Thành phẩm sản xuất ra tiêu thụ ngay không qua nhập kho
- (2) Thành phẩm sản xuất ra gửi đi bán không qua nhập kho
- (3) Khi hàng gửi đi bán được xác định là tiêu thụ
- (4) Thành phẩm, hàng hoá để bán
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hoá để bán
- (6) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kỳ
- (7) Thành phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại nhập kho
- (8) Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ
- (9) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- (10) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

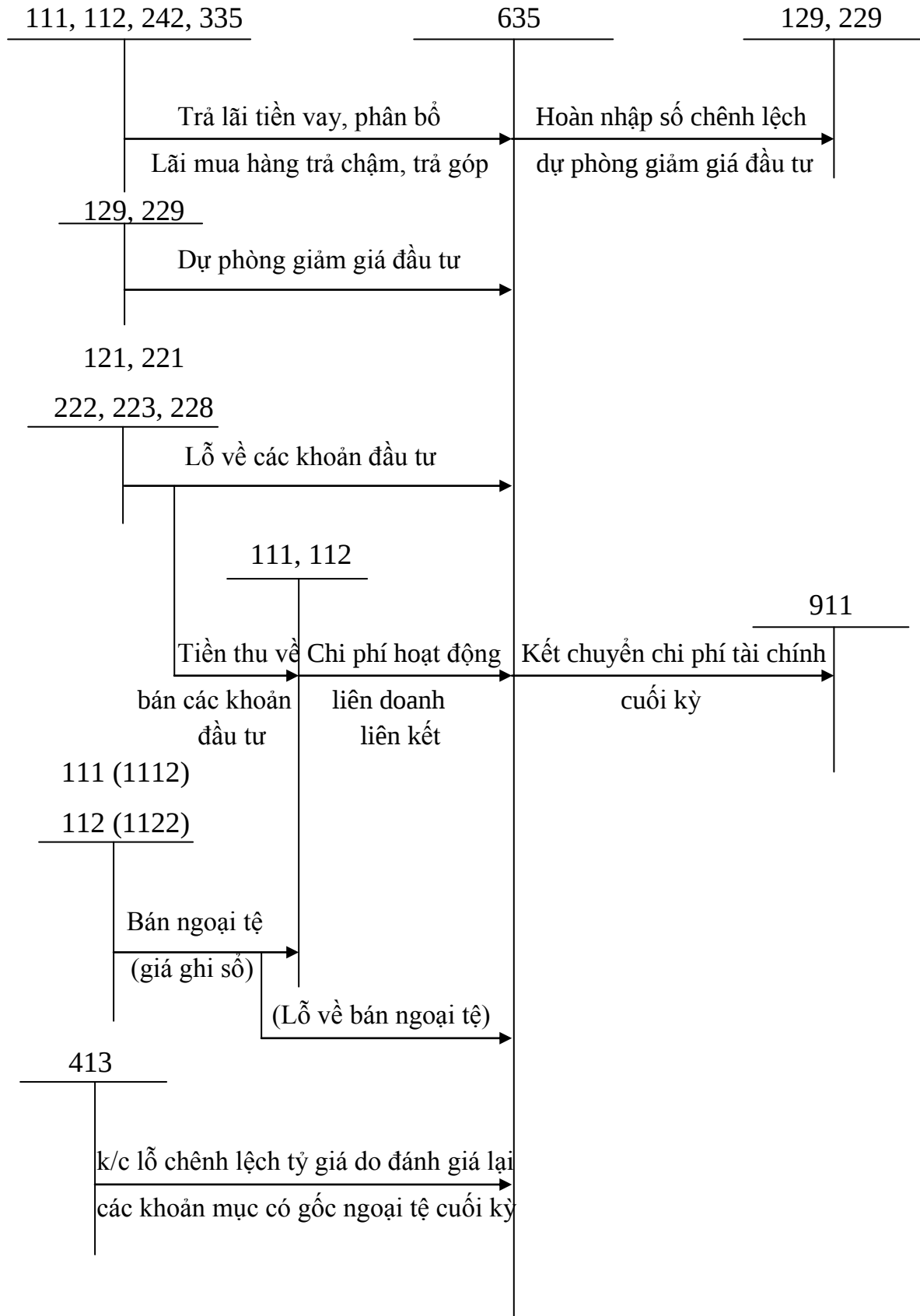
1.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái...

Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 06: Chi phí hoạt động tài chính.



1.5.3. Kế toán chi phí bán hàng

1.5.3.1. Khái niệm

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, trong kỳ.

1.5.3.2. Nội dung

Chi phí bán hàng doanh nghiệp bao gồm những chi phí sau:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao dịch, hoa hồng, bán hàng, thuê sửa chữa TSCĐ,...
- Chi phí bằng tiền khác

1.5.3.3. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng

Chứng từ sử dụng:

- Bảng thanh toán tiền lương bộ phận bán hàng.
- Tờ kê chi tiết TK 641.
- Phiếu chi.
- Bảng tính khấu hao.
- Báo cáo chi phí.

Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng

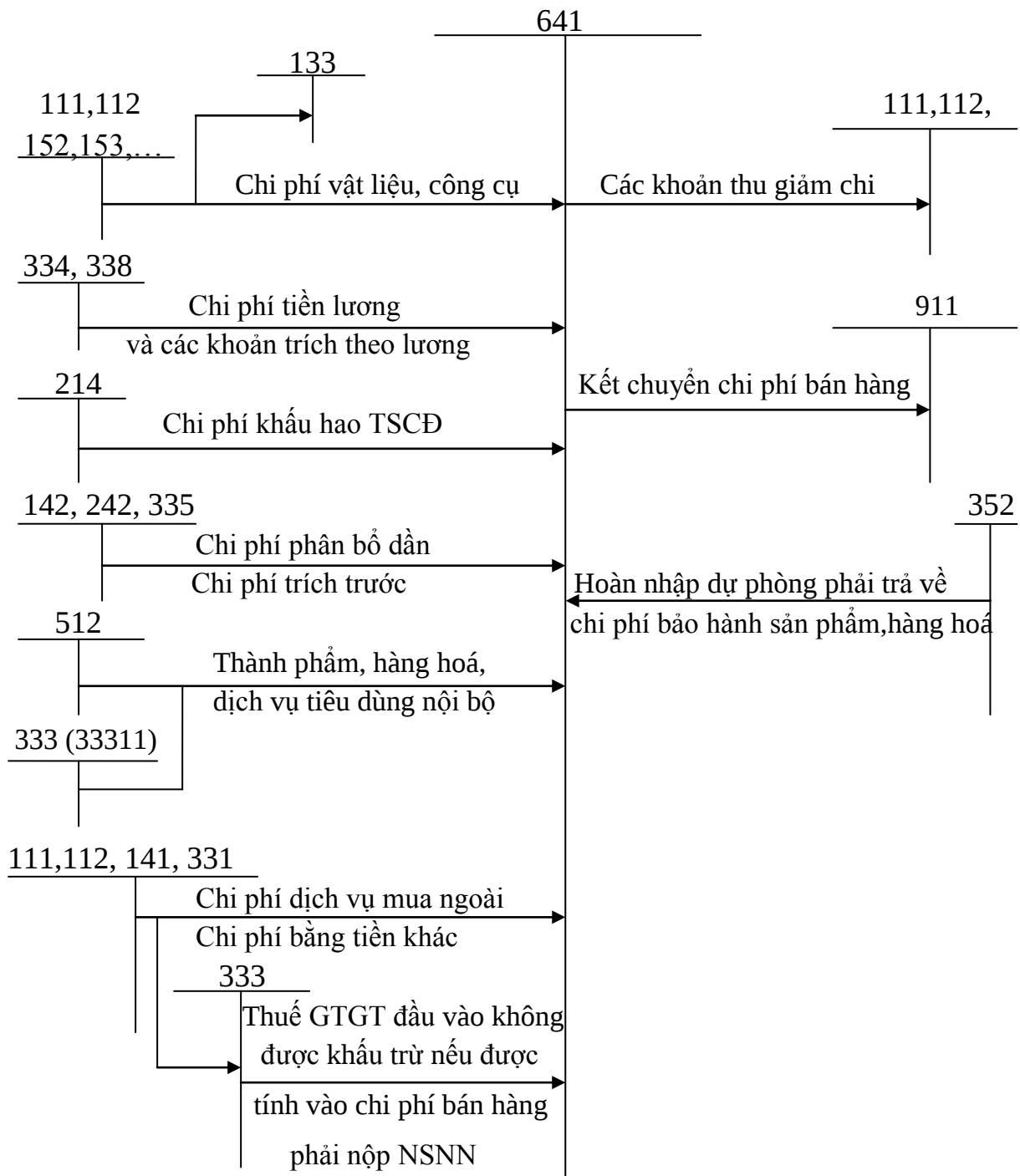
Tài khoản chi tiết:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Phương pháp kế toán:

Chi phí bán hàng theo dõi chi tiết theo yếu tố chi phí. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp mà chi phí bán hàng được kết hợp theo dõi dưới những nội dung khác nhau.

Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được tính vào chi phí cho những sản phẩm đã xác định tiêu thụ trong kỳ theo nguyên tắc tương xứng để xác định một cách chính xác kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 07: Chi phí bán hàng

1.5.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.5.4.1. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp ma không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào.

1.5.4.2. Nội dung

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và chi phí khác. Cụ thể:

- Chi phí cho nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp như nhà cửa làm việc, các phòng ban,...
- Thuế và lệ phí: như thuế môn bài, thuế nhà đất,...các khoản phí và lệ phí khác.
- Chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, các loại chi phí bằng tiền khác.

1.5.4.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán tiền lương bộ phận quản lý
- Tờ kê chi tiết TK 642
- Phiếu chi, bảng tính và phân bổ khấu hao
- Giấy tờ nộp thuế, phí, lệ phí
- Báo cáo chi phí

Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản chi tiết

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí, lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

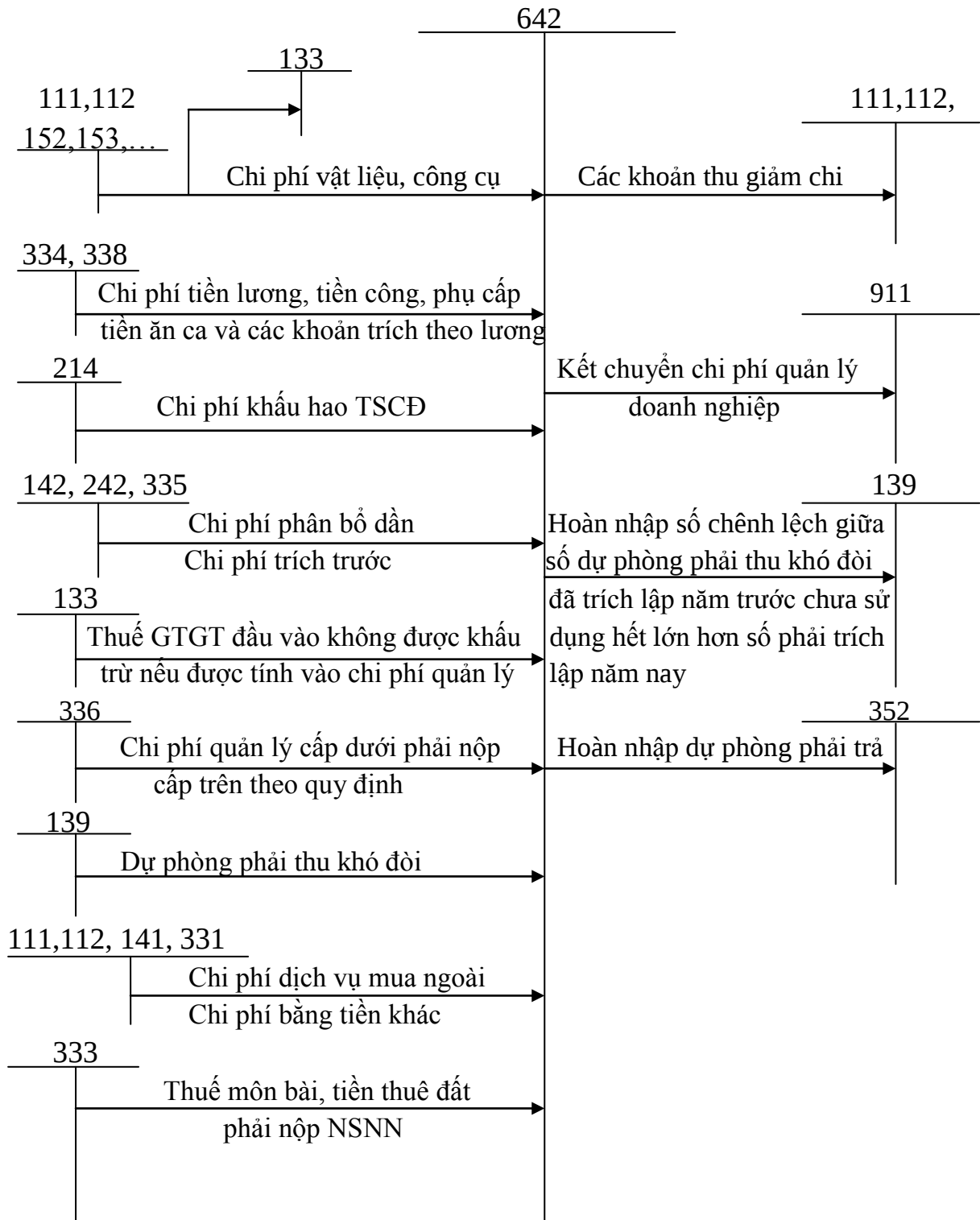
TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Phương pháp kế toán

Chi phí quản lý doanh nghiệp được theo dõi chi tiết cho từng yếu tố chi phí đã phục vụ cho việc quản lý cũng như lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được tính hết vào chi phí cho những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được giữ lại và được kết chuyển cho các kỳ sau để phân bổ cho những sản phẩm chưa xác định tiêu thụ trong kỳ này

Sơ đồ 08: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.5.5. Kế toán chi phí khác

1.5.5.1. Khái niệm

Chi phí khác là chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra ngoài chi phí giá thành (giá vốn), chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí hoạt động tài chính.

1.5.5.2. Nội dung

Theo chế độ kế toán hiện hành, được tính vào chi phí khác bao gồm các khoản sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản đem đi góp vốn liên doanh, liên kết đầu tư dài hạn khác.
- Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; tiền phạt thuế; truy thu thuế;
- Các chi phí khác ngoài các khoản đã nêu ở trên.

1.5.5.3. Tổ chức kế toán chi phí khác

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do phát sinh các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.6. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.6.1. Ý nghĩa

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với công ty vì nhìn vào kết quả cuối cùng mà doanh nghiệp có kế hoạch kinh doanh cụ thể. Nếu lỗ thì tìm nguyên nhân, phân tích và đưa ra giải pháp khắc phục để đơn vị ngày càng đi lên. Còn nếu có lãi thì đây là yếu tố kích thích động viên cán bộ công nhân viên nâng cao hiệu quả kinh doanh hơn nữa.

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh trung thực giúp đơn vị đánh giá xác thực về tình hình hoạt động, nắm được điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị từ đó xác định vị trí của đơn vị trên thương trường cũng như chu kỳ sống của đơn vị.

1.6.2. Thủ tục kế toán

Từ các chứng từ, sổ sách có liên quan kế toán sẽ kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập và chi phí bất thường, thu nhập và chi phí hoạt động tài chính, chi phí đã trích trước ở các kỳ trước để xác định kết quả kinh doanh.

1.6.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản sử dụng: TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

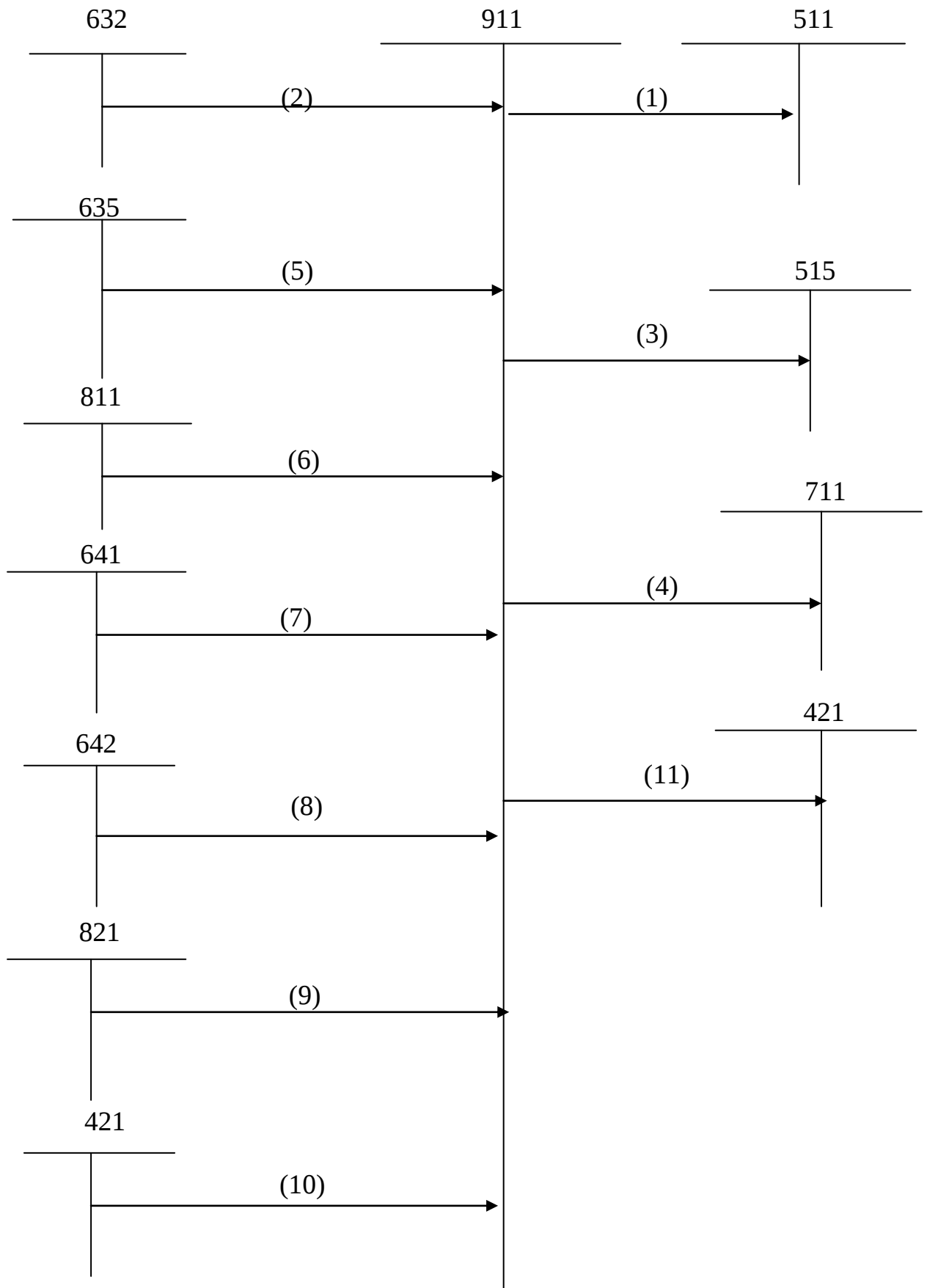
- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng: TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng đến các tài khoản liên quan khác như: TK111, TK 112, TK 113, TK 414, TK 415, TK 431, TK 511, TK 512, TK 635, TK 641.

Sơ đồ 09: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

- (1) Cuối kì kế toán kết chuyển số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- (2) Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì
- (3) Cuối kì kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- (4) Cuối kì kết chuyển thu nhập khác
- (5) Cuối kì kết chuyển chi phí tài chính
- (6) Cuối kì kết chuyển chi phí khác
- (7) Cuối kì kết chuyển chi phí bán hàng phát sinh trong kì
- (8) Cuối kì kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì
- (9) Kết chuyển chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- (10) Tính và kết chuyển số lãi hoạt động kinh doanh trong kì
- (11) Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh trong kì.

1.7. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH ĐỂ HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Các doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong bốn hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chứng từ

Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ nên trong bài em xin trình bày chi tiết về hình thức này.

1.7.1. Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”, việc ghi

sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

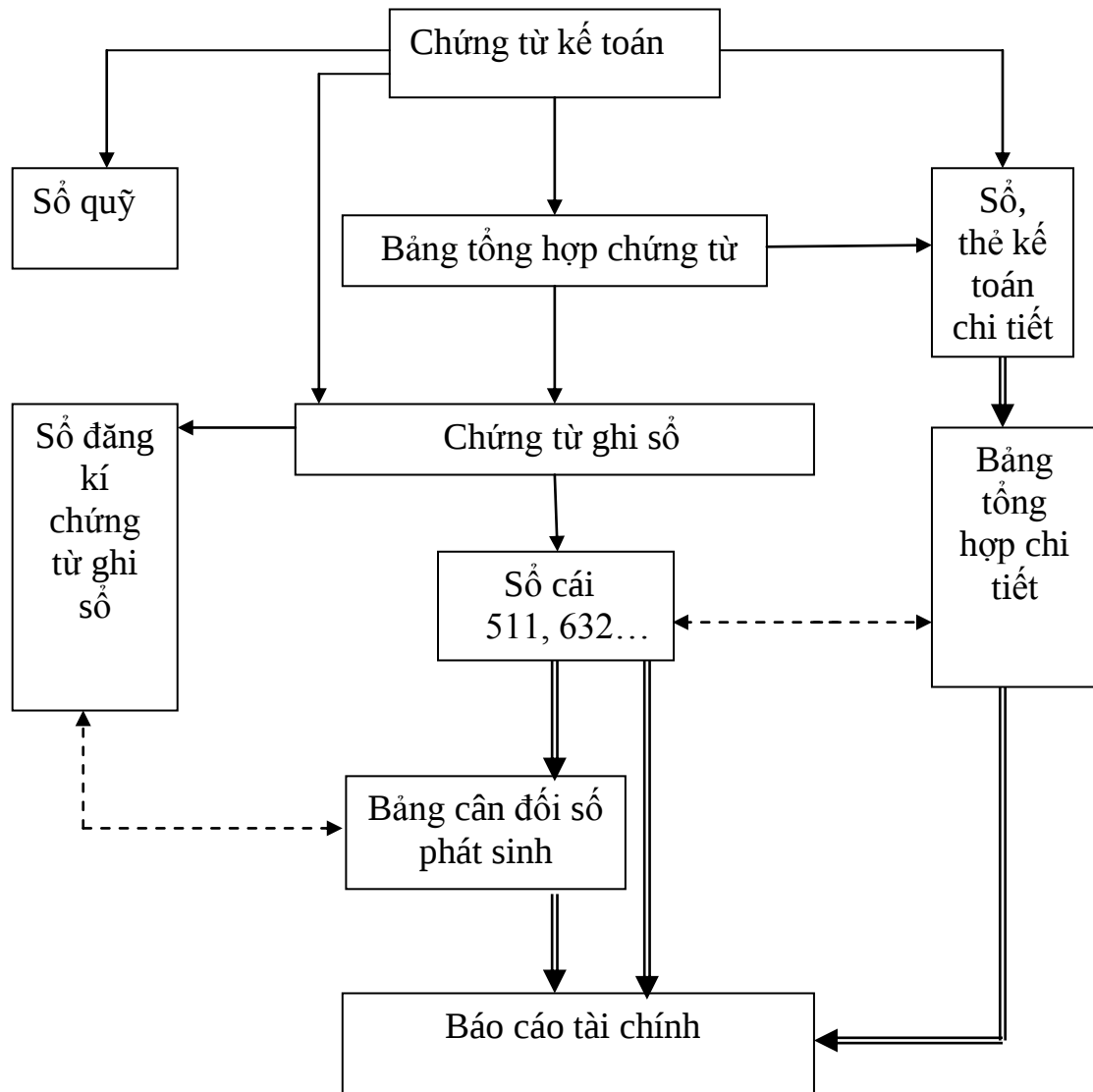
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái, căn cứ vào sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức " Chứng từ ghi sổ"



Ghi chú: - Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 - Ghi cuối tháng: $\Longrightarrow$
 - Đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức là doanh nghiệp 100% vốn tư nhân được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép kinh doanh số 005832 ngày 15/08/1996 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

Tên giao dịch	: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức
Trụ sở chính	: Xã Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải Phòng
Điện thoại	: 031.3875096
Fax	: 031.3875541
MST	: 0200160314
Vốn pháp định	: 1.500.000.000 VNĐ
Vốn điều lệ ban đầu	: 2.700.000.000 VNĐ
Vốn điều lệ bổ sung	: 2.700.000.000 VNĐ

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.

Vốn của công ty được ấn định giai đoạn đầu là 2.700.000.000 VNĐ chia ra làm 20 phần hùn.

Bao gồm những sang lập viên:

- Ông Đinh Hữu Rỹ 810.000.000 VNĐ sinh năm 1951 CMND số 031034236 cấp ngày 03/08/1995 tại Hải Phòng thường trú tại Lập Lễ - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Khắc Hậu 810.000.000 VNĐ sinh năm 1952 CMND số 030106670 cấp ngày 19/07/1977 tại Hải Phòng thường trú 363 Lê Lợi Hải

Phòng.

- Ông Đinh Hữu Ry 540.000.000 VNĐ sinh năm 1954 CMND số 030662111 cấp ngày 09/04/1982 tại Hải Phòng thường trú tại Lập Lễ - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

- Ông Lê Vinh 540.000.000 VNĐ sinh năm 1957 CMND số 030902700 cấp ngày 28/07/1988 tại Hải Phòng, thường trú tại 369 Lê Lợi - Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp với giấy phép đăng ký kinh doanh số 005832 do ngày 15/08/1996 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động công ty luôn thực hiện với chính sách chất lượng với phương châm: “ Chất lượng là tốt nhất là điều kiện để tồn tại và phát triển”

Dưới đây là tổng hợp kết quả hoạt động những năm 2007, 2008, 2009

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Doanh thu bán hàng	5.263.191.996	6.290.731.781	2.646.157.112
GV hàng bán	4.203.583.439	4.929.636.638	2.450.381.218
LN trước thuế	(597.508.842)	(323.744.021)	(323.552.456)
Tài sản	8.593.139.340	10.375.950.149	9.555.488.987

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong ba năm gần qua ta thấy mặc dù kết quả đạt được chưa cao lắm nhưng đã nói lên sự cố gắng của công ty trong việc khắc phục khó khăn và bắt đầu trở lại sản xuất.

Tổng tài sản năm 2008 tăng 1.782.810.800 đồng, tương đương với tỉ lệ tăng 20,7 % so với năm 2007. Bởi trong năm 2008, doanh nghiệp đã đầu tư mở rộng sản xuất, Doanh số bán ra tăng lên. Giá vốn tăng 726.053.199 đồng, tương đương với tỉ lệ tăng 17,2 % so với năm 2007. Từ đó làm doanh thu tăng 1.027.539.785 đồng tương đương tỉ lệ tăng 19,5 % so với năm 2007. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 273.764.821 đồng . Đã có sự biến chuyển tích cực hơn. Tuy nhiên, vào cuối năm 2009 doanh nghiệp quay trở lại sản xuất doanh nghiệp vẫn bị lỗ. Vấn đề đặt ra rằng cần phải làm tốt công tác bán hàng và giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh công ty trách nhiệm sản xuất Trung Đức.

Theo giấy phép ĐKKD số 005832 do ngày 15/08/1996 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp thì công ty hoạt động trong lĩnh vực sau:

- + Sản xuất các sản phẩm có gốc là CaCO_3
- + Bột nhẹ CaCO_3

Cho đến ngày bổ sung 20/04/1999 thì lĩnh vực hoạt động của công ty bao gồm:

- + Chuyên ngành sản xuất bột CaCO_3 bao PP và PE
- + Kinh doanh các loại bột CaCO_3 bao PP và PE

Xây dựng, và áp dụng duy trì một cách hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000

- Công ty luôn thực hiện với chính sách chất lượng với phương châm: “Chất lượng là tốt nhất là điều kiện để tồn tại và phát triển”

- Công ty phấn đấu trở thành một tập thể vững mạnh về tổ chức sản xuất, dịch vụ. Với phương châm chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm đem lại cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất và đem lại cho họ những giá trị đích thực.

- Huy động mọi nguồn vốn tín dụng trong và ngoài công ty.

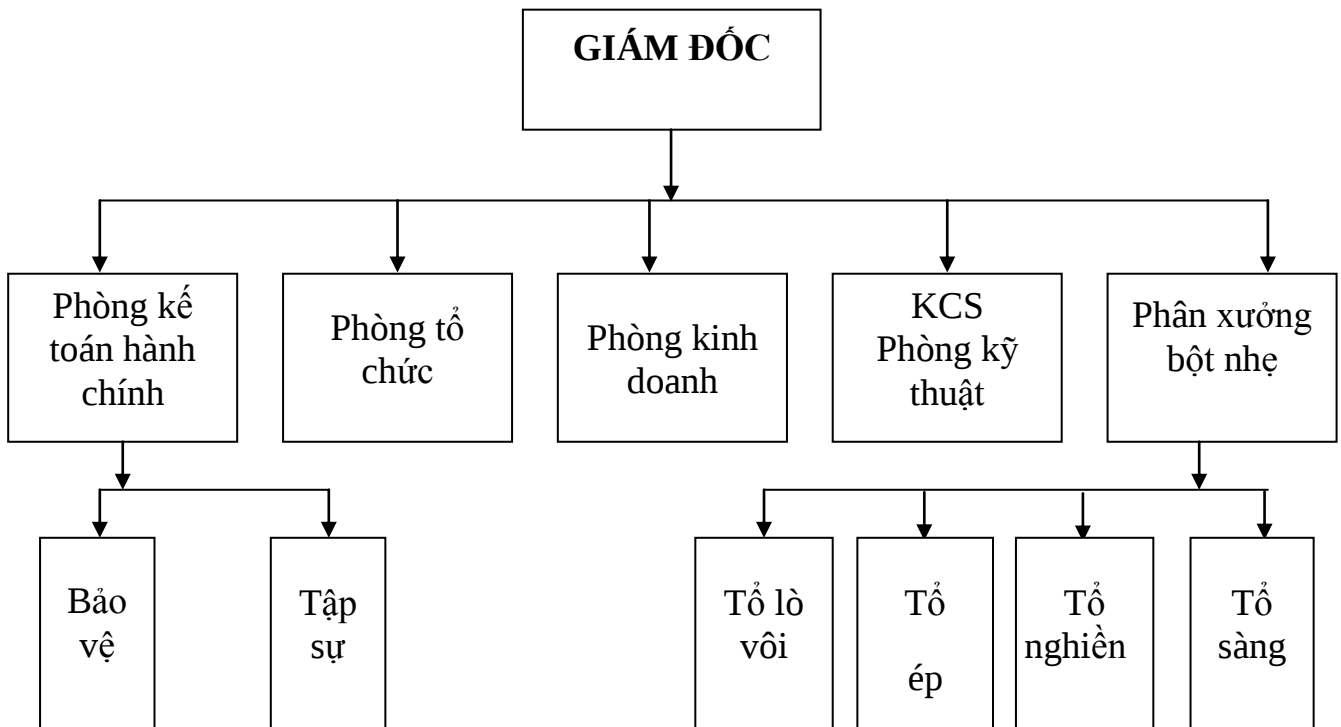
- Từng bước đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật đổi mới trang thiết bị máy móc, cải thiện môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên.

- Cải tiến và luôn luôn cải tiến về hệ thống quản lý về chất lượng.

- Đảm bảo sự cộng tác chặt chẽ phòng ban nội bộ công ty, nhà cung ứng và khách hàng. Luôn luôn biết lắng nghe, sửa đổi cùng nhau vươn tới sự hoàn thiện.

Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH sản xuất Trung Đức theo mô hình trực tuyến chức năng, cụ thể mô hình bộ máy tổ chức công ty như sau:

Sơ đồ 1.1.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty



Giám đốc công ty:

- Quản lý mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước hội đồng sáng lập viên về tính hiệu quả của quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và cho các sáng lập viên hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng.

- Lập chính sách mục tiêu chất lượng, phê duyệt sổ tay chất lượng và các tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng.

Phòng kế toán hành chính:

- Lập kế hoạch tài chính giúp giám đốc định hướng đưa ra phương án sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kiểm duyệt toàn bộ chứng từ ban đầu vào báo cáo của công ty trước khi trình cho giám đốc.

- Kết hợp với các phòng ban liên quan tham mưu cho giám đốc hoạt động tài chính của công ty.

- Kế toán tổng hợp lập BCTC vào mỗi quý, cuối năm. Đánh giá chung về tình hình sản xuất của công ty.

- Tập hợp báo cáo đầy đủ và kịp thời, chính xác trung thực theo quy định của nhà nước và công ty.

Phòng hành chính:

- Tổ chức thực hiện, quản lý nghiệp vụ hành chính lao động và tiền lương.
- Tham mưu cho giám đốc xây dựng, thực hiện và giám sát mọi chế độ, chính sách nội quy, khen thưởng, kỷ luật của công ty theo quyết định của nhà nước.
- Tổ chức bảo vệ an ninh và tài sản của công ty, có phối hợp với các phòng ban liên quan.
- Thực hiện công tác đời sống, sức khỏe cho cán bộ công nhân viên theo quy định của công ty có đề xuất cải tiến phù hợp.
- Tự đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên trong phòng để đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

Phòng kinh doanh:

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp và tiêu thụ sản phẩm. Nắm bắt nhu cầu thị trường, tham mưu cho GD về chiến lược mở rộng thị trường.

Phòng kỹ thuật:

- Quản lý và tổ chức điều hành công việc của phân xưởng sản xuất để hoàn thành các chức năng nhiệm vụ được giao. Tham mưu với lãnh đạo công ty các lĩnh vực khoa học kỹ thuật.
- Phối hợp với phòng kinh doanh để lên kế hoạch, kiểm soát việc mua vật tư và lựa chọn nhà cung cấp.
- Lập các quy trình hướng dẫn công nghệ, các công thức, định mức sản xuất, các đặc tính kỹ thuật, xây dựng các phương pháp sản xuất tốt.
- Phụ trách công tác quản lý theo dõi thiết bị sản xuất và công tác an toàn sản xuất trong công ty.

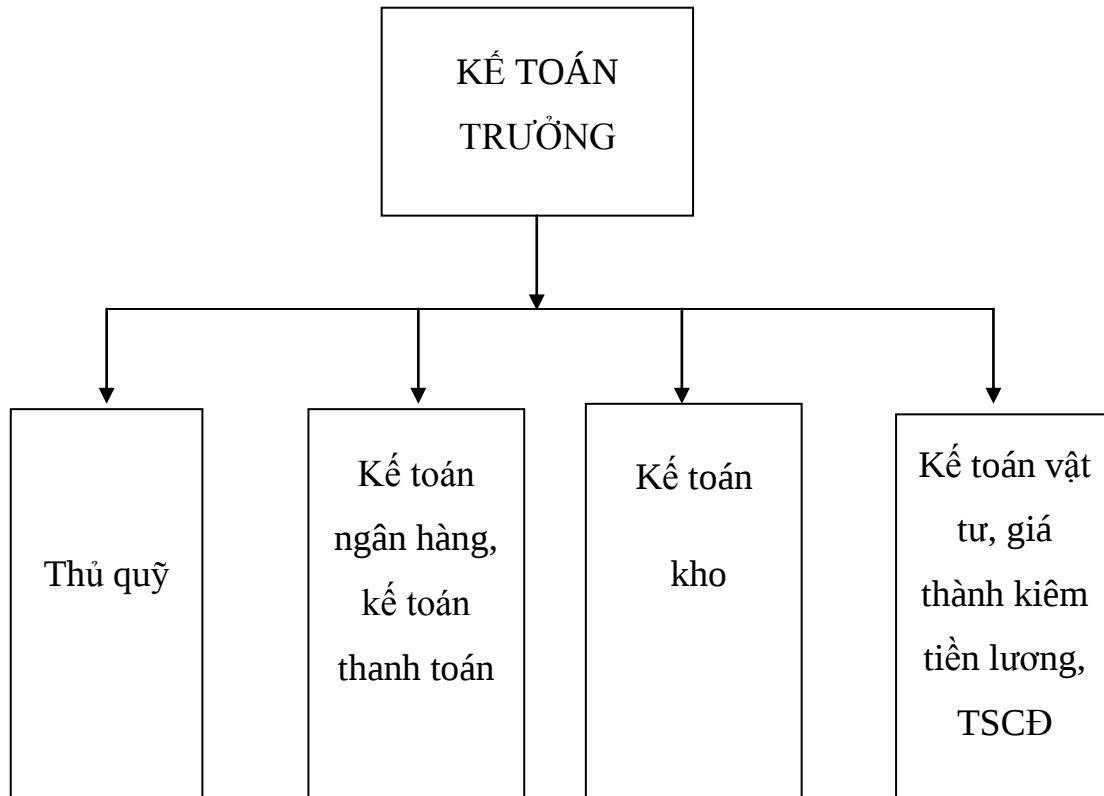
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC

2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy

kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Sơ đồ 1.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH sx Trung Đức



Theo mô hình trên chức năng nhiệm vụ của từng người như sau:

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán; kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các phòng ban, lập báo cáo tài chính xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, tờ khai thuế GTGT hàng tháng.

- Tổ chức việc tạo, huy động và vốn có hiệu quả nhất.

Thủ quỹ:

- Có nhiệm vụ quản lý nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

Kế toán ngân hàng và thanh toán:

- Có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào và thanh toán với người bán, người tạm ứng.

Kế toán kho:

- Có nhiệm vụ theo dõi ghi chép việc nhập xuất hàng hoá.

Kế toán vật tư, giá thành kiêm tiền lương, TSCĐ:

- Theo dõi tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tình hình tiêu thụ sản phẩm phải ghi vào sổ liệu chứng từ, sổ chi tiết tính giá thành thực tế vật liệu xuất kho. Tiến hành lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và tổ chức tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm đồng thời lập bảng thanh toán lương cho công ty hàng tháng.

- Kiểm kê TSCĐ, thanh lý, nhượng bán và tính khấu hao TSCĐ.

Bộ máy kế toán của công ty cổ phần Sơn Hải Phòng được tổ chức theo mô hình tập trung, nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.

Bộ máy kế toán tại công ty TNHH sx Trung Đức được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán hành chính để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán.

Thực hiện quyết định kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ kèm theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính.

Sổ sách hạch toán kế toán theo hình thức: Chứng từ ghi sổ (sổ cái)

Trong các bước thủ tục thanh toán, yêu cầu các bộ phận, các cá nhân có liên quan cần phải có đầy đủ các thủ tục chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Công tác kế toán tại công ty TNHH sx Trung Đức được thực hiện phần lớn trên máy tính nhưng không áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên

bản Excel.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý thuận lợi, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ”. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ trên kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

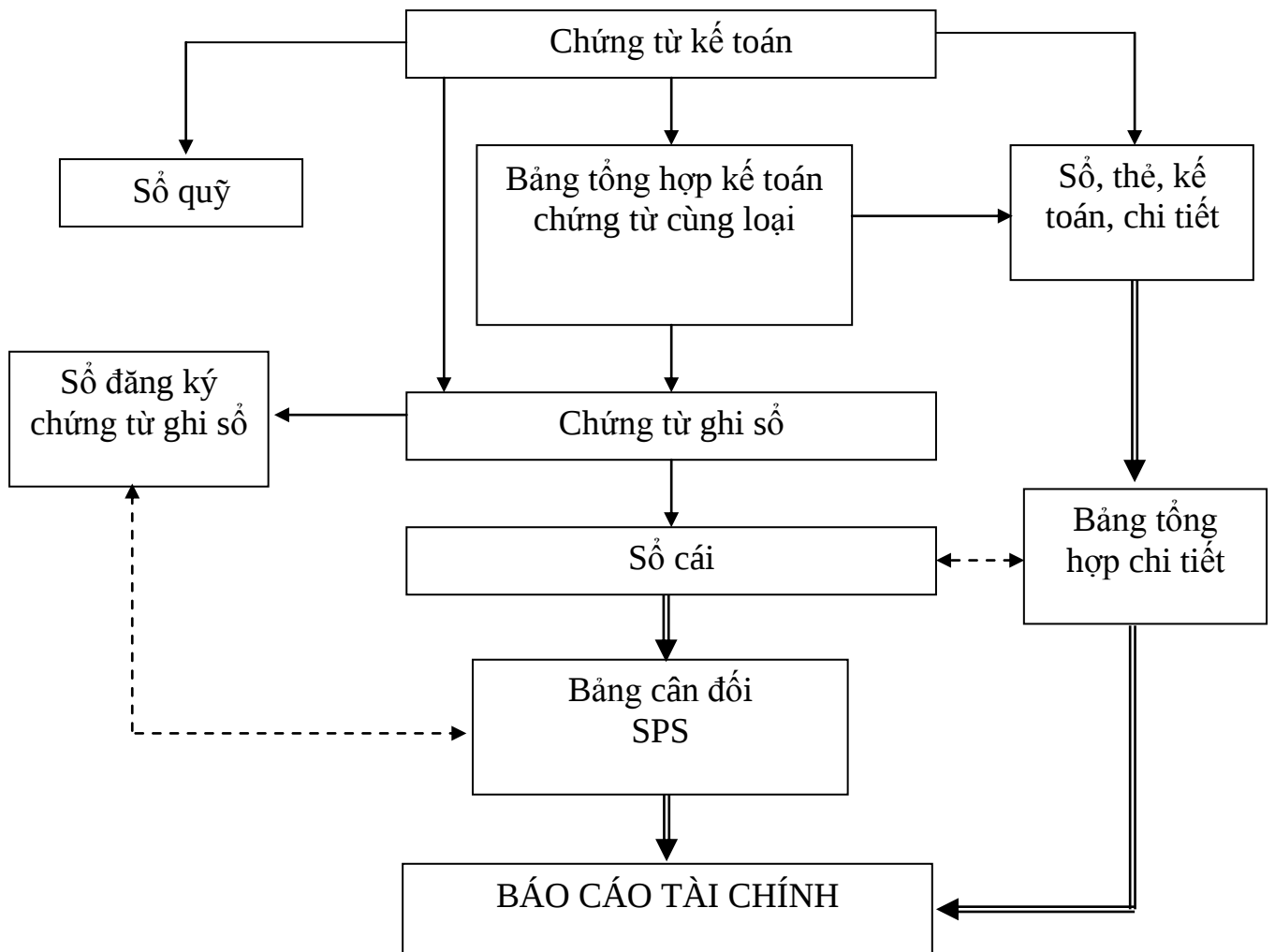
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ bao gồm các loại sổ sách như sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;
- Bảng cân đối tài khoản

Sơ đồ 1.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

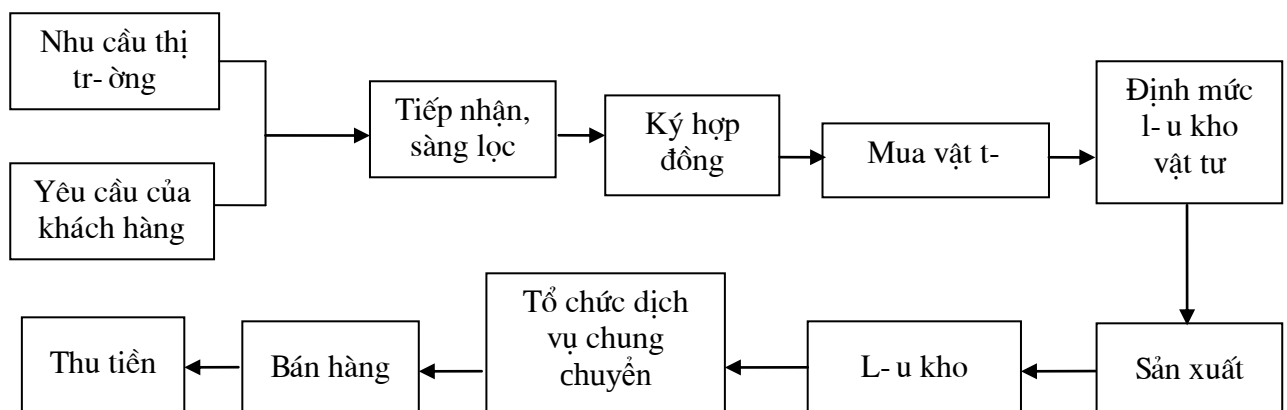
Đối chiếu kiểm tra $\longleftrightarrow$

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC

2.2.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức

Công ty TNHH sản xuất Trung Đức là một công ty sản xuất cung cấp sản phẩm nên công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp sản phẩm, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

Kế hoạch sản xuất bán hàng của công ty:



Do nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ với sự tồn tại và phát triển của mình công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Phương thức tiêu thụ chính là qua kho tức là sản phẩm sau khi hoàn thành sẽ nhập kho sau đó khi khách hàng có nhu cầu mua thì sản phẩm sẽ được xuất kho. Các phương thức bán hàng chủ yếu của công ty là:

- Bán cho người mua theo hợp đồng

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chủ yếu của công ty chủ yếu là từ bán thành phẩm (TK155), hàng hoá TK 156, không bán hàng theo phương thức gửi bán đại lý vì vậy không sử dụng tài khoản 157.

Khối lượng thành phẩm xuất bán được thoả thuận chi tiết với khách hàng khi kí kết hợp đồng và đảm bảo giao hàng đúng đủ theo hợp đồng.

Giá bán sản phẩm được ghi trên bảng báo giá do công ty đưa ra, giá của các sản phẩm tương đối ổn định, đáp ứng được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo tính cạnh tranh với đơn vị khác.

Để tạo điều kiện cho khách hàng công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc bằng tiền gửi ngân hàng ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm.

2.2.2. Thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng tại công ty là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Và cụ thể sản phẩm sản xuất của công ty là:

- Bột nhẹ CaCO_3
- Bao PE

2.2.2.1.1. Các loại chứng từ và tài khoản sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT gồm 3 liên:
 - + Liên 1: Màu tím lưu tại quyền hoá đơn
 - + Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng.
 - + Liên 3: Màu xanh, lưu nội bộ để ghi sổ và thanh toán.
- Phiếu xuất kho;
- Phiếu thu, phiếu chi của bên mua hàng;
- Bản sao kê chi tiết của ngân hàng;
- Hợp đồng mua bán hàng hoá...

* TK sử dụng:

- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 - Phải thu của khách hàng
- TK 111 - Tiền mặt
- TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
- TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

* Sổ kế toán sử dụng:

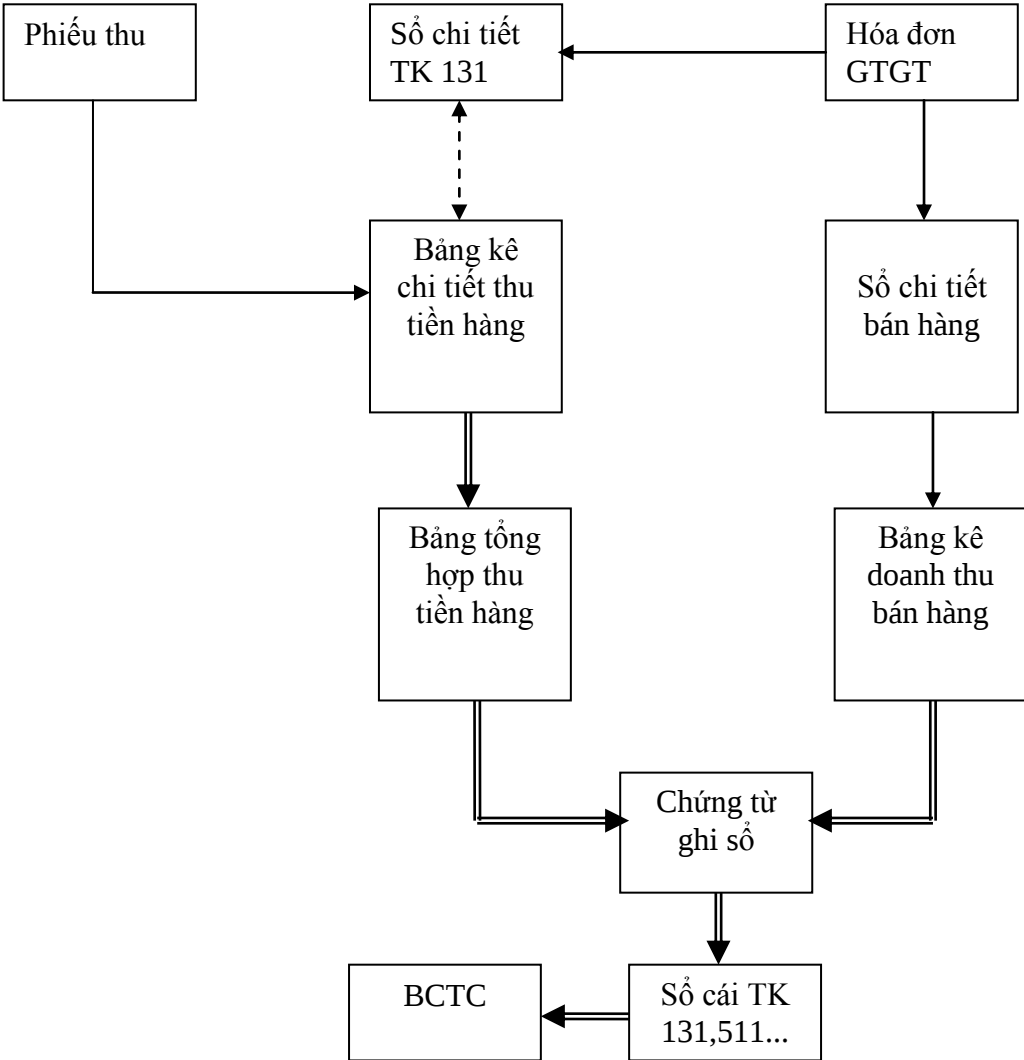
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái
- Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra

2.2.2.1.2. Trình tự hạch toán kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trước tiên, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh sẽ viết lệnh xuất kho hoặc lệnh nhập kho và hoá đơn giá trị gia tăng. Phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không.

Căn cứ vào lệnh xuất kho, nhập kho kế toán hạch toán như sau:

Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu kiểm tra ⇔

Một số ví dụ bằng biểu minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 05/12/2009 công ty TNHH sản xuất Trung Đức xuất kho 11.130 tấn bột nhẹ cho công ty cổ phần sơn Spanyc; đơn giá chưa thuế GTGT là 1.900đ/ 1 tấn.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán làm như sau:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh viết giấy đề nghị xuất kho và hoá đơn giá trị gia tăng. Phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Kế toán căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng vào nghiệp vụ bán trên sổ bán hàng và đồng thời ghi vào Bảng kê chi tiết tài khoản phải thu của khách hàng (TK 131) và Bảng kê chi tiết tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511). Căn cứ vào dòng cộng tổng cuối tháng trên Bảng kê chi tiết tài khoản phải thu của khách hàng và Bảng kê chi tiết tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Mỗi dòng cộng tổng được kế toán phản ánh là 1 dòng trên chứng từ ghi sổ định kỳ vào cuối tháng. Từ dòng đó trên chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 511, TK 131.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :01 – GTKT – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			LT/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0041365		
Ngày 11 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức					
Địa chỉ : Ngũ lão - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản :					
Điện thoại :MS: 0200160314					
Họ tên người mua hàng:					
Tên công ty : Công ty cổ phần sơn SpanyC					
Địa chỉ : Xã Dị Sử - Huyện Mỹ hào - Tỉnh Hưng Yên					
Số tài khoản: 0900241826					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bột (CaCO ₃)TĐ 101	kg	11.130	1.900	21.147.000
Cộng tiền hàng:					21.147.000
Thuế suất thuế GTGT			5% Tiền thuế GTGT:		1.057.350
Tổng cộng tiền thanh toán					22.204.350
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi hai triệu hai trăm lẻ bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Sổ bán hàng
Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Tổng cộng				Trong đó	
STT	Số hiệu	NT			Số lượng kg	D/s chưa thuế	% Thuế	Thuế	Bột nhẹ	Tiền
1	0041365	05/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	11,130	21,147,000	10*50%	1,057,350	11,130	21,147,000
2	0041366	07/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	5,000	8,850,000	10*50%	442,500	5,000	8,850,000
3	0041368	11/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃	111	10,000	17,500,000	10*50%	875,000	10,000	17,500,000
4	0041369	14/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	10,020	19,038,000	10*50%	951,900	10,020	19,038,000
5	0041370	21/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	13,020	24,738,000	10*50%	1,236,900	13,020	24,738,000
6	0041371	21/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	111	990	1,881,000	10*50%	94,050	990	1,881,000
7	0041372	22/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 2	131	28,500	46,170,000	10*50%	2,308,500	28,500	46,170,000
8	0041373	25/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃	131	62,100	93,150,000	10*50%	4,657,500	62,100	93,150,000
9	0041374	25/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 2	131	13,020	19,530,000	10*50%	976,500	13,020	19,530,000
10	0041375	28/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	13,020	24,738,000	10*50%	1,236,900	13,020	24,738,000
11	0041376	29/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 2	131	16,020	23,498,136	10*50%	1,174,907	16,020	23,498,136
			Bột nhẹ CaCO ₃ loại 3	131	15,990	18,206,214	10*50%	910,311	15,990	18,206,214
12	0041377	29/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	111	4,020	6,633,000	10*50%	331,650	4,020	6,633,000
13	0041378	30/12/09	Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	131	20,400	32,028,000	10*50%	1,601,400	20,400	32,028,000
			Cộng T12/2009		223,230	357,107,350		17,855,368	223,230	357,107,350

Sổ theo dõi TK 131**(Phải thu khách hàng)****Đối tượng : Cty CP Sơn Spanyc**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Ngày tháng	Số CT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư 01-01-2009				19,844,700	
01/06/2009	0073738	Xuất hàng	333,511	20,265,300			
01/08/2009		Thanh toán tiền hàng qua TK	112		19,344,150		
		Cộng T1/2009		20,265,300	19,344,150	20,765,850	
02/07/2009	0073741	Xuất hàng	333,511	19,344,200			
25/2/2009	0073749	Xuất hàng	333,511	19,344,200			
		T2/2009		38,688,400		59,454,250	
03/02/2009		Thanh toán tiền hàng qua tài khoản	112		20,265,300		
		Cộng T3/2009			20,265,300	39,188,950	
		Cộng Q1/09		58,953,700	39,609,450	39,188,950	
03/4/09		Thanh toán tiền hàng qua tài khoản	112		19,344,200		
14/4/09	0086211	Xuất bán	333,511	19,175,940			
		Cộng T4/09		19,175,940	19,344,200	39,020,690	
08/5/2009		TT tiền hàng qua TK HD: 73749	112		19,344,200		
19/5/2009	0086220	Xuất bán	333,511	19,175,940			
28/5/2009		TT tiền hàng qua TK HD: 86211	112		19,175,940		
		Cộng T5/2009		19,175,940	38,520,140	19,676,490	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

04/06/2009	0086225	Xuất bán	333,511	19,175,940			
26/6/2009		TT tiền hàng qua TK HD: 0086220	112		19,175,940		
29/6/2009	0086228	Xuất bán	333,511	19,175,940			
		Cộng T6/2009		38,351,880	19,175,940	38,852,430	
		Cộng Q2/2009		76,703,760	77,040,280	38,852,430	
27/7/2009		TT tiền hàng qua TK	112		19,175,940		
		Cộng T7/2009		0	19,175,940	19,676,490	
13/11/2009	0041356	Xuất bán	333,511	25,974,900			
23/11/2009	0041358	Xuất bán	333,511	23,940,000			
24/11/2009		TT tiền hàng qua TK	112		19,175,940		
		Cộng T11/2009		49,914,900	19,175,940	50,415,450	
05/12/2009	0041365	Xuất bán	333,511	22,204,350			
12/12/2009		TT tiền hàng qua TK	112		49,914,900		
14/12/2009	0041369	Xuất bán	333,511	19,989,900			
21/12/2009	0041370	Xuất bán	333,511	25,974,900			
22/12/2009		TT tiền hàng qua TK	112		22,204,350		
28/12/2009	0041375	Xuất bán	333,511	25,974,900			
31/12/2009		TT tiền hàng qua TK	112		19,989,900		
		Cộng T12/2009		94,144,050	92,109,150	52,450,350	

BẢNG KÊ CHI TIẾT GHI NỢ TK 131*Tháng 12 năm 2009*

STT	Ngày tháng	Diễn giải	Ghi nợ TK 131	Ghi có các TK					
				511	333				
1	05/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	21,147,000	21,147,000					
			1,057,350		1,057,350				
2	07/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	8,850,000	8,850,000					
			442,500		442,500				
3	14/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	19,038,000	19,038,000					
			951,900		951,900				
4	21/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 1	24,738,000	24,738,000					
			1,236,900		1,236,900				
5	22/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 2	46,170,000	46,170,000					
			2,308,500		2,308,500				
6	25/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃	93,150,000	93,150,000					
			4,657,500		4,657,500				
7	25/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO ₃ loại 2	19,530,000	19,530,000					
			976,500		976,500				

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

8	28/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO_3 loại 1	24,738,000	24,738,000					
			1,236,900		1,236,900				
9	29/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO_3 loại 2	23,498,136	23,498,136					
			1,174,907		1,174,907				
		Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO_3 loại 3	18,206,214	18,206,214					
			910,311		910,311				
10	30/12/09	Xuất bán chịu Bột nhẹ CaCO_3 loại 1	32,028,000	32,028,000					
			1,601,400		1,601,400				
		Cộng T12/09	508,679,068	331,093,350	16,554,668				

Định kỳ một tháng căn cứ vào các chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ.

Chứng từ ghi sổ

Số 5

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Hàng bán chịu	131	333	16,554,670	
	131	511	331,093,350	
Cộng			347,648,020	

Từ chứng từ ghi sổ trên nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ cái Tài khoản 131.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tên tài khoản Phải thu khách hàng

Trang 1

Số hiệu

131

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư 1-1-2009		1,187,319,335	
Quý 1	1	Thu tiền hàng	112		964,087,800
	5	Hàng bán chịu	333.511	530,173,368	
		Cộng quý 1-2009		530,173,368	964,087,800
Quý 2	1	Thu tiền hàng	112		437,607,416
	5	Hàng bán chịu	333.511	693,485,077	
		Cộng quý 2-2009		693,485,077	437,607,416
T7/09	1	Thu tiền hàng	112		117,606,217
	5	Hàng bán chịu	333,511	324,151,332	
		Cộng T7/2009		324,151,332	117,606,217
T8/09	1	Thu tiền hàng	112		183,110,000
	5	Hàng bán chịu	333.511	362,835,585	
		Cộng T8/2009		362,835,585	183,110,000
T9/09	1	Thu tiền hàng	112		485,834,689
	5	Hàng bán chịu	333.511	143,712,950	
		Cộng T9/2009		143,712,950	485,834,689
T10/09	1	Thu tiền hàng	112		358,265,138
	5	Hàng bán chịu	333.511	23,058,000	
		Cộng T10/09		23,058,000	358,265,138
T11/09	1	Thu tiền hàng	112		60,023,440
	5	Hàng bán chịu	333.511	175,099,302	
		Cộng T11/09		175,099,302	60,023,440
T12/09	1	Thu tiền hàng	112		161,031,050
	5	Hàng bán chịu	333.511	347,648,020	
		Cộng T12/09		347,648,020	161,031,050
		Σ SPS		2,600,163,634	2,767,565,750
		Số dư cuối kỳ		1,019,917,219	

Từ dòng cộng tổng trên Sổ bán hàng của cột Doanh thu bán hàng chưa thuế. Định kỳ cuối tháng kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh của tháng. Phản ánh nghiệp vụ kết chuyển vào 1 chứng từ ghi sổ.

Chứng từ ghi sổ

Số 12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	511	911	357,107,350	
	711	911	21,125	
Cộng			357,128,475	

Từ mỗi chứng từ ghi sổ được phản ánh là một dòng trên sổ cái TK 511

Tên tài khoản	Doanh thu hoạt động kinh doanh	Trang	1
		Số hiệu	511

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Quý1	3	Thu tiền bán hàng	111		33,609,575
	5	Hàng bán chịu	131		500,065,245
	12	K/C	911	533,674,820	
		Cộng quý 1-2009		533,674,820	533,674,820
Quý 2-09	3	Thu tiền bán hàng	111		18,529,000
	5	Hàng bán chịu	131		660,461,982
	12	K/C	911	678,990,982	
		Cộng quý 2-2009		678,990,982	678,990,982
T7/09	3	Thu tiền bán hàng	111		5,642,850
	5	Hàng bán chịu	131		308,625,990
	12	K/C	911	314,268,840	
		Cộng T7/2009		314,268,840	314,268,840
T8/09	3	Thu tiền bán hàng	111		3,762,000
	5	Hàng bán chịu	131		345,557,700
	11	K/C	911	349,319,700	
		Cộng T8/2009		349,319,700	349,319,700
T9/09	3	Thu tiền bán hàng	111		4,562,700
	5	Hàng bán chịu	131		136,869,480
	12	K/C	911	141,432,180	
		Cộng T9/2009		141,432,180	141,432,180
T10/09	3	Thu tiền bán hàng	111		20,014,000
	5	Hàng bán chịu	131		21,960,000
	12	K/C	911	41,974,000	
		Cộng T10/09		41,974,000	41,974,000
T11/09	3	Thu tiền bán hàng	111		62,628,000
	5	Hàng bán chịu	131		166,761,240
	12	K/C	911	229,389,240	
		Cộng T11/09		229,389,240	229,389,240
T12/09	3	Thu tiền bán hàng	111		26,014,000
	5	Hàng bán chịu	131		331,093,350
	12	K/C	911	357,107,350	
		Cộng T12/09		357,107,350	357,107,350
		Σ SPS		2,646,157,112	2,646,157,112

2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Do đặc điểm của các hợp đồng kinh tế bán hàng của công ty nhận theo công thức trộn bột mà bên mua yêu cầu theo hợp đồng kinh tế. Và trường hợp hàng bán bị trả lại không xảy ra. Nên công ty không sử dụng TK 531 và TK 532.

Chiết khấu thương mại là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hóa. Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng). Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán sử dụng các TK:

Tài khoản sử dụng: TK 521 - Chiết khấu thương mại

Chứng từ sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 531, 532
- Sổ sách chứng từ có liên quan.

Quy trình luân chuyển chứng từ các khoản giảm trừ doanh thu:

Từ các chứng từ liên quan kế toán vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán lập Sổ cái TK 521. Đồng thời kết chuyển sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

(Tháng 12 tại công ty không phát sinh nghiệp vụ về chiết khấu thanh toán nên em không trích dẫn nghiệp vụ này).

2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng.

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu.
- Lãi tiền gửi Ngân Hàng
- Thu nhập quà biếu

Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác

Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng kê chi tiết tài khoản 111, 112
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán chi phí khác:

Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Nhận được giấy báo có của ngân hàng nhận tiền lãi gửi được cộng vào tài khoản tại Ngân Hàng.

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân Hàng kế toán vào bảng kê phần thu TK 112. Từ bảng kê phần thu vào một dòng trên chứng từ ghi sổ. Rồi từ chứng từ ghi sổ nghiệp vụ phát sinh được hạch toán vào sổ cái TK 711

BẢNG KÊ PHÂN THU 112*Tháng 12 năm 2009*

STT	Ngày tháng	Diễn giải	Ghi nợ TK 112	Ghi có các TK					
				111	131	311	338	311	711
1	01/12/09	XN SX cao su nhựa KDTM P.viên	33,629,400		33,629,400				
2	12/12/09	Cty cổ phần sơn spanyc tt tiền hàng	49,914,900		49,914,900				
3		Hành nộp tiền vào TK	1,000,000	1,000,000					
4	21/12/09	Hành nộp tiền vào tài khoản	90,000,000	90,000,000					
5	22/12/09	Cty TNHH sx TM Đức Phương	26,000,000		26,000,000				
6	24/12/09	Cty CP sơn Spanyc tt tiền hàng	22,204,350		22,204,350				
7	25/12/09	Vay NH KUNN số 09	80,286,590			80,286,590			
8		Cty CP VLKT điện tt tiền hàng	9,292,500		9,292,500				
9		Lãi tiền gửi	21,125						21,125
10	31/12/09	Cty CP Sơn Spanyc tt tiền hàng	19,989,900		19,989,900				
		Cộng T12/09	332,338,765	91,000,000	161,031,050	80,286,590			21,125

Chứng từ ghi sổ

Số 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu bằng tiền gửi	112	111	91,000,000	
	112	131	161,031,050	
	112	311	80,286,590	
	112	711	21,125	
Cộng			332,338,765	

Chứng từ ghi sổ

Số 12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	511	911	357,107,350	
	711	911	21,125	
Cộng			357,128,475	

Tên tài
khoản

Thu nhập khác

Trang
Số hiệu

1
711

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Quý 1-09	1	Lãi tiền gửi	112		414,867
	10	K/C	911	414,867	
		Cộng quý 1-2009		414,867	414,867
Quý 2-09	1	Lãi tiền gửi	112		248,815
	12	K/C	911	248,815	
		Cộng quý 2-2009		248,815	248,815
T7/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		41,561
	11	K/C	911	41,561	
		Cộng T7-2009		41,561	41,561
T8/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		103,854
	11	K/C	911	103,854	
		Cộng T8-2009		103,854	103,854
T9/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		171,624
	12	K/C	911	171,624	
		Cộng T9-2009		171,624	171,624
T10/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		51,085
	12	K/C	911	51,085	
		Cộng T10-2009		51,085	51,085
T11/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		22,310
	12	K/C	911	22,310	
		Cộng T11-2009		22,310	22,310
T12/09	1	Thu bằng tiền gửi	112		21,125
	12	K/C	911	21,125	
		Cộng T12-2009		21,125	21,125
		Σ SPS		1,075,241	1,075,241

2.2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ. Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

* Tài khoản sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

* Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Sổ chi tiết nhập xuất tồn tk 154,155
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 632

Một số ví dụ bảng biểu minh họa:

Lấy lại ví dụ trong phần Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Ví dụ 1: Ngày 05/12/2009 công ty TNHH sản xuất Trung Đức xuất kho 11.130 tấn bột nhẹ cho công ty cổ phần sơn Spanyc; đơn giá chưa thuế GTGT là 1.900đ/ 1 tấn.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán làm như sau:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, đơn đặt hàng, khi có yêu cầu của khách hàng phòng kinh doanh viết giấy đề nghị xuất kho và hoá đơn giá trị gia tăng. Phiếu xuất kho sau khi viết xong, thủ kho xuất kho thành phẩm cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó thủ kho chuyển phiếu xuất kho lên kế toán. Từ dòng cộng tổng trên Sổ chi tiết nhập xuất tồn TK 154, TK 155 kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào 1 dòng trên sổ cái TK 632.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT

TRUNG ĐỨC

Mẫu số 01 VT

Theo QĐ: 15/2006/QĐ-

BTC

Ngày 20 tháng 3 năm

2006

của Bộ trưởng Bộ tài
chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Số:

Nợ

632

Có

155

- Họ tên người

Anh Tài

nhận hàng:

- Địa chỉ:

Cty cổ phần sơn Spanyc

-Xuất kho tại:

Cty Trung Đức

STT	Tên hàng	Mã hàng	ĐVT	Số lượng	Giá ĐV	Thành tiền	Ghi chú
1	Bột nẹ (CaCO_3) TĐ101		kg	11.130	1.900	21.147.000	
	Cộng:			11.130	1.900	21.147.000	

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Thủ kho

Người nhập hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

NHẬP XUẤT TỒN TÀI KHOẢN 154,155*Tháng 12 năm 2009*

Diễn giải	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
PX bột nhẹ	kg	20,000	17,109,000						
Bột nặng	kg	0	0						
Cộng 154	kg	20,000	17,109,000						
		0	0						
Tài khoản 155		0	0						
Bột nhẹ CaCO3 loại 1	kg	293,340	375,090,841	120	172,289,266	87,600	156,553,000	205,860	390,827,107
Bột nhẹ CaCO3 loại 2	kg	306,945	416,332,826	110	155,731,827	119,640	182,348,136	187,415	389,716,517
Bột nhẹ CaCO3 loại 3	kg	98,985	144,160,920	30	40,925,317	15,990	18,206,214	83,025	166,880,023
Bột nhẹ CaCO3 loại PA	kg	1,810	3,343,474				4,781	1,810	3,338,693
		0	0					0	0
Cộng T12/2009		701,080	939,054,115	260	368,946,410	223,230	357,107,350	478,110	950,888,394

Chứng từ ghi sổ**Số 10****Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất giá vốn hàng bán	632	155	357,107,350	
Cộng			357,107,350	

Chứng từ ghi sổ**Số 11****Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	911	632	357,107,350	
	911	642	39,526,271	
Cộng			396,633,621	

Từ mỗi một chứng từ ghi sổ được phản ánh bằng một dòng trên sổ cái TK.

**Tên tài
khoản**

Giá vốn hàng bán ra

**Trang
Số hiệu**

632

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Quý 1/09	8	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	534,155,806	
	9	K/C vào	911		534,155,806
		Cộng quý 1-2009		534,155,806	534,155,806
Quý 2/09	9	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	755,027,175	
	11	K/C vào	911		755,027,175
		Cộng quý 2-2009		755,027,175	755,027,175
T7/09	9	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	348,135,967	
	11	K/C vào	911		348,135,967
		Cộng T7-2009		348,135,967	348,135,967
T8/09	9	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	342,759,500	
	10	K/C vào	911		342,759,500
		Cộng T8-2009		342,759,500	342,759,500
T9/09	10	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	141,432,180	
	11	K/C vào	911		141,432,180
		Cộng T9-2009		141,432,180	141,432,180
T10/09	10	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	40,374,000	
	11	K/C vào	911		40,374,000
		Cộng T10-2009		40,374,000	40,374,000
T11/09	10	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	229,389,240	
	11	K/C vào	911		229,389,240
		Cộng T11-2009		229,389,240	229,389,240
T12/09	10	Xuất giá vốn hàng bán ra	155	357,107,350	
	11	K/C vào	911		357,107,350
		Cộng T12-2009		357,107,350	357,107,350
		Σ SPS		2,748,341,218	2,748,341,218

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài khác (điện, nước, fax, cháy nổ...). Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng....)

TK sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng

Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng phân bổ nguyên liệu vật liệu – công cụ dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Hoá đơn thông thường
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết TK 642

Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2009 thanh toán tiền quét dọn vệ sinh số tiền 200.000 VNĐ.

Quy trình hạch toán:

Nhân viên lao vụ sẽ viết Giấy đề nghị thanh toán. Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán cùng với nhiệm vụ công việc thực tế. Đơn vị thanh toán tiền công cho nhân viên lao vụ. Kế toán viết phiếu chi sau khi được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị. Kế toán chuyển cho thủ quỹ chi trả. Thực tế đơn vị nên lập sổ chi tiết TK 642. Nhưng do nghiệp vụ phát sinh sử dụng TK này không nhiều. Khi kế toán vào chứng từ ghi sổ. Căn cứ dòng tổng cộng của TK 642 trên bảng kê chi TK 111 và bảng kê chi TK 112 và bảng thanh toán lương kế toán vào 1 dòng trên Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 642.

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - tự do - hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất Trung Đức

Tên tôi: *Đinh Thị Hiền*

Địa chỉ: *Mi sơn - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng*

Nội dung thanh toán: *quét dọn vệ sinh*

Cộng số tiền thanh toán bằng số: 200.000

Bằng chữ: Hai trăm ngàn đồng chẵn

Vậy tôi viết giấy này đề nghị công ty thanh toán cho tôi số tiền trên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Phụ trách bộ phận xác nhận

Người đề nghị thanh toán

PHIẾU CHI Số.....

Mẫu số 02 - TT

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC

Nợ: 642

ngày 20 tháng 3 năm 2006

Có: 111

của Bộ trưởng BTC

Họ và tên người nhận tiền: *Đinh Thị Hiền*

Địa chỉ: *My Sơn - Ngũ Lão - Thuỷ nguyên*

Lý do chi: *Thanh toán tiền quét dọn vệ sinh T12*

Số tiền: 200.000 (viết bằng chữ) *Hai trăm ngàn đồng chẵn.*

Kèm theo 1

chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền 200.000

Ngày tháng năm 2009

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

Bảng kê chi tiết chi có TK111 Ghi nợ các TK*Tháng 12 năm 2009*

STT	Ngày tháng	Diễn giải	Ghi có TK 111	Ghi nợ các TK					
				112	133	142	154	334	642
1	03/12/09	C.Thuỷ tt tiền mua vé xe buýt T12/09+ gửi fax nhanh	1,091,000						1,091,000
2		C. Hiện thanh toán tiền quét vs T12/2009	200,000						200,000
3	5/12/09	Trần Thị Hạnh tt tiền mua 20 quyển phiếu xuất	40,000						40,000
4	08/12/09	A.Quý tt tiền xăng xe 351 + tiền thẻ điện thoại	770,000		66,864				703,136
5		A Đăng thanh tt tiền trợ cấp chờ việc đợt 3	4,400,000			4,400,000			
6	10/12/09	Cô Phương thanh toán tiền gửi mẫu cho khách	65,500						65,500
7	11/12/09	Lại Văn sơn tt tiền mua thẻ điện thoại, chi phí giao hàng	240,000		18,182				221,818
8	12/12/09	A.Quý tt tiền xăng xe 351 + vé đường	669,000		52,854				616,146
9	16/12/09	Trần thị Hạnh nộp tiền vào TK trả lãi ngân Hàng	1,000,000	1,000,000					
10	17/12/09	Phạm Hải Đăng tt tiền ăn K3 tháng 11/09	1,050,000					1,050,000	
11	18/12/09	Dương Thị Hoàn tt tiền điện thoại số 2668368	92,006						92,006
									
		Cộng T12/09	341,326,976	206,000,000	1,082,605	15,944,000	970,000	112,534,100	4,796,271

Chứng từ ghi sổ

Số 4

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi bằng tiền mặt	112	111	206,000,000	
	133	111	1,082,605	
	142	111	15,944,000	
	154	111	970,000	
	334	111	112,534,100	
	642	111	4,796,271	
Cộng			341,326,976	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tên tài khoản		Chi phí quản lý doanh nghiệp		Trang Số hiệu		642
Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
				Nợ	Có	
Quý 1-09	4	Chi phí = tiền	111	12,108,640		
	7	K/C lương H/C & thuế MB,338,214	3339,334	161,426,085		
	9	K/C TK	911		173,534,725	
		Cộng quý 1-2009		173,534,725	173,534,725	
Quý 2-09	4	Chi bằng tiền	111	11,944,788		
	10	K/C	334	117,336,800		
	11	K/C	911		129,281,588	
		Cộng quý 2-2009		129,281,588	129,281,588	
T7/09	4	Chi bằng tiền	111	4,085,603		
	11	K/C	911		4,085,603	
		Cộng T7-2009		4,085,603	4,085,603	
T8/09	2	Phí hội viên + phí chuyển tiền gửi	112	1,116,569		
	4	Chi bằng tiền	111	3,220,224		
	8	K/C	334	44,700,000		
	10	K/C	911		49,036,793	
		Cộng T8-2009		49,036,793	49,036,793	
T9/09	2	Chi bằng tiền	112	65,000		
	4	Chi bằng tiền	111	5,712,799		
	8	K/C	334	34,500,000		
	11	K/C	911		40,277,799	
		Cộng T9-2009		40,277,799	40,277,799	
T10/09	2	Chi bằng tiền	112	90,000		
	4	Chi bằng tiền	111	6,104,045		
	8	K/C	334	34,500,000		
	11	K/C	911		40,694,045	
		Cộng T10-2009		40,694,045	40,694,045	
T11/09	2	Chi bằng tiền	112	75,000		
	4	Chi bằng tiền	111	5,448,397		
	8	K/C	334	34,500,000		
	11	K/C	911		40,023,397	
		Cộng T11-2009		40,023,397	40,023,397	
T12/09	2	Chi bằng tiền	112	30,000		
	4	Chi bằng tiền	111	4,796,271		
	8	K/C lương	334	34,700,000		
	11	K/C	911		45,836,771	
	15	K/C	642	6,310,500		
		Cộng T12-2009		45,836,771	45,836,771	
		Σ SPS		522,770,721	522,770,721	

2.2.2.5. *Hạch toán chi phí khác*

Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Để hạch toán chi phí khác công ty sử dụng tài khoản 811.

Theo quyết định 48 của Bộ Tài Chính, chi phí khác gồm:

- TK 811: Chi phí khác
- TK 821: Chi phí thuế TNDN.

a) Chi phí khác của công ty gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Các khoản chi phí khác.

Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ, vật tư hàng hoá.
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 811
- Các sổ liên quan.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tên tài khoản Chi phí khác

Trang

Số hiệu

811

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Quý 1-09	2	Lãi tiền vay	112	26,295,108	
	9	K/C vào TK	911		26,295,108
		Cộng quý 1-2009		26,295,108	26,295,108
		Σ SPS		26,295,108	26,295,108

2.2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả. Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh được xác định chênh lệch giữa doanh thu và các khoản chi phí trong kỳ.

TK này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kì kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất năm của doanh nghiệp gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

Để xác định kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 và lợi nhuận chưa phân phối – TK 421. Việc xác định kết quả bán hàng được kế toán thể hiện trên sổ cái TK 911. Cuối tháng căn cứ vào số liệu các TK liên quan như TK 511, 512, 515, 711, 632, 642, 811, 711 đã kết chuyển sang 911 để xác định kết quả kinh doanh theo công thức :

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần	—	Giá vốn hàng bán	—	Chi phí bán hàng	—	Chi phí quản lý doanh nghiệp	+	Kết quả hoạt động tài chính	+	Kết quả hoạt động khác
-----------------------------	---	-----------------------	---	---------------------------	---	---------------------------	---	---------------------------------------	---	--	---	------------------------------------

Chứng từ sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 511, TK 515, TK 632, TK 711, TK 811, TK 641, TK 642...

Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh Tháng 12 năm 2009

Từ sổ Cái của các TK liên quan, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào Sổ cái TK 911. Sau đó căn cứ vào sổ Cái TK 511 và sổ Cái TK 911 để thực hiện kết chuyển lỗ hoặc lãi vào Sổ cái TK 421.

Kết chuyển doanh thu:

Nợ TK 511 :

Có TK 521 :

Có TK 531 :

Có TK 532 :

Kết chuyển doanh thu thuần bán hàng:

Nợ TK 511 : 357.107.350

Có TK 911 : 357.107.350

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515 :

Có TK 911 :

Kết chuyển doanh thu khác:

Nợ TK 711 : 21.125

Có Tk 911 : 21.125

Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911 : 396.633.621

Có TK 632 : 357.107.350

Có TK 642 : 39.526.271

Kết quả kinh doanh = 357.107.350 + 21.150 – 396.633.621 =
39.505.121

Chứng từ ghi sổ

Số 11

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	911	632	357,107,350	
	911	642	39,526,271	
Cộng			396,633,621	

Chứng từ ghi sổ

Số 12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	511	911	357,107,350	
	711	911	21,125	
Cộng			357,128,475	

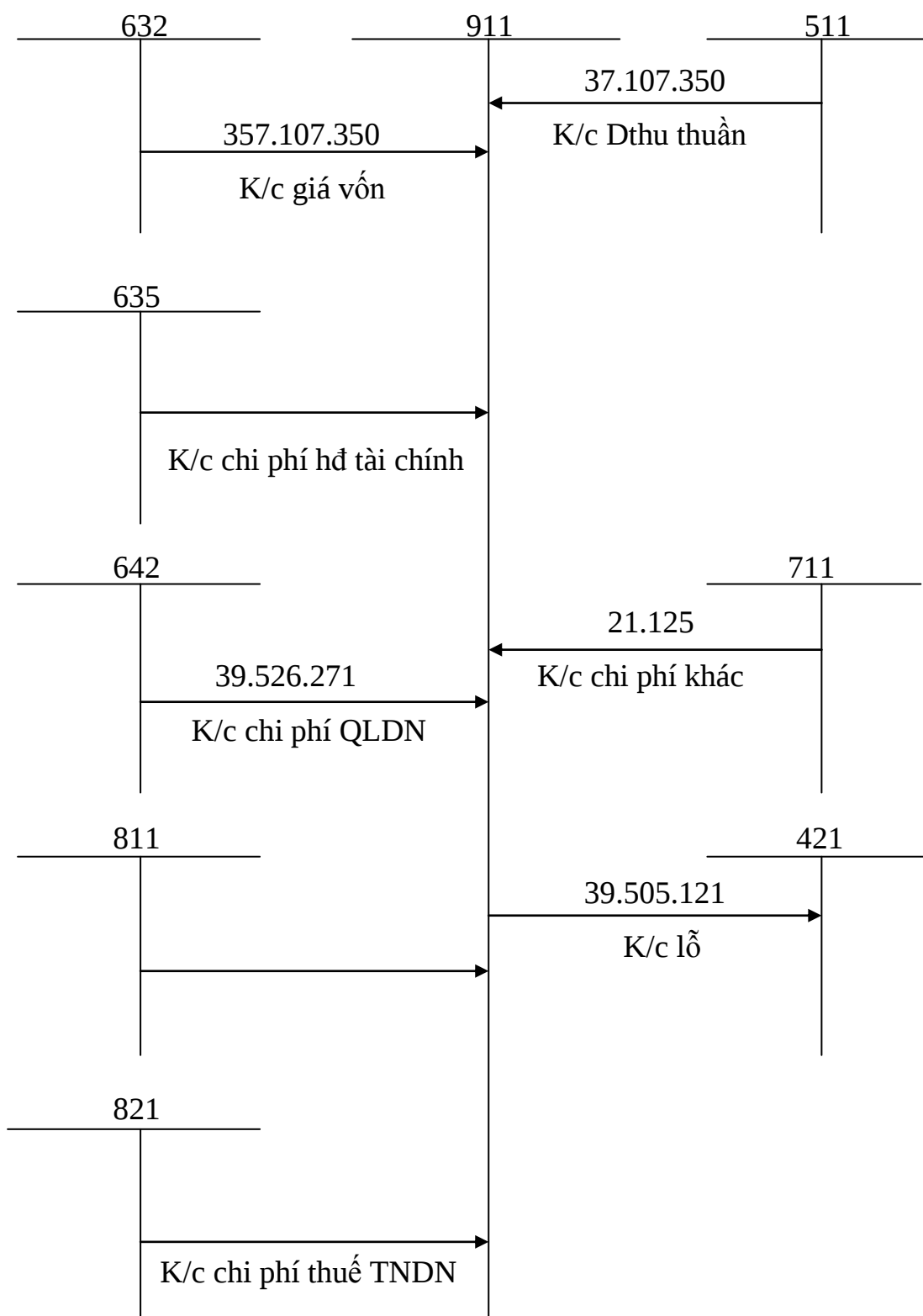
Chứng từ ghi sổ

Số 13

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lỗ sx	421	911	39,505,121	
Cộng			39,505,121	

Mô hình hạch toán tổng hợp



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
TRUNG ĐỨC

Mẫu số B 02 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC)

Địa chỉ: Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải
Phòng
Mã số thuế: 0200160314

Ngày 14/09/2006 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2009

Đơn vị tính: đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	2.646.157.112	6.290.731.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.646.157.112	6.290.731.781
4. Giá vốn hàng bán	11		2.450.381.218	4.929.636.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		195.775.894	1.361.095.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			2.164.059
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		524.108.483	1.652.173.853
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(328.332.589)	(288.914.651)
10. Thu nhập khác	31		1.075.241	
11. Chi phí khác	32		26.295.108	34.829.370
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(25.219.867)	(34.829.370)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(353.553.456)	(323.744.021)
14. Chi phí thuế TNDN	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(353.552.456)	(323.744.021)

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC

3.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.

Qua gần mười năm hoạt động với bề dày thành tích đáng kể cùng với sự phát triển và đổi mới của đất nước, công ty TNHH Trung Đức đã không ngừng và phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng được nâng cao cũng như trình độ quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng ngày càng hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Ngày nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường đổi mới về mọi mặt, cùng với kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tầm quan trọng của hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, công ty xây dựng một mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động, việc phân công công việc rõ ràng mỗi kế toán viên đảm nhiệm từng phần hành kế toán khác nhau phù hợp với trình độ năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hoá, đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ qua lại chặt chẽ cùng sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân viên trong phòng kế toán, làm việc hiệu quả và luôn gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em đã nhận thức sâu sắc hơn mục tiêu hàng đầu của công ty TNHH sản xuất Trung Đức nói riêng và các doanh nghiệp nói chung là lợi nhuận và làm thế nào để lợi nhuận không ngừng gia tăng, đó là vấn đề nhức nhối đối với các nhà quản lý, và hơn hết chính là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển bên cạnh đó góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên. Đồng thời là điều kiện công ty thực hiện nghĩa vụ với nhà Nước và các ngành liên quan.

3.2. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.

3.2.1. Những ưu điểm đạt được

*** Về tổ chức bộ máy quản lý**

Với bộ máy tổ chức quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000, thống nhất từ trên xuống dưới, công ty TNHH sản xuất Trung Đức đã xây dựng được bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến - chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoạt động trong điều kiện hiện nay. Với mô hình này các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty có năm cán bộ kế toán trong đó có một kế toán trưởng và ba kế toán viên. Công ty sử dụng phương pháp ghép việc, tổ chức bố trí công việc của cán bộ kế toán phù hợp với chức năng trình độ, vì thế công việc đều hoàn thành, kế toán trưởng là người có kinh nghiệm, có năng lực trong lĩnh vực kế toán.

Công ty lựa chọn loại hình kế toán tập trung phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mọi nghiệp vụ được phát sinh được hạch toán chính xác, nhanh chóng.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm sự tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo sản xuất kịp thời, chuyên môn hoá, cán bộ, giảm nhẹ biên chế tạo điều kiện áp dụng trong quản lý hạch toán.

*** Về áp dụng khoa học công nghệ :**

Đáp ứng nhu cầu công việc, công ty TNHH sản xuất Trung Đức đã áp dụng hệ thống máy tính vào công tác hệ toán để giảm bớt khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí văn phòng và thời gian cho nhân viên kế toán đảm bảo cung cấp số liệu nhanh chóng, chính xác. Bên cạnh đó công ty đã áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào công tác kế toán bằng cách sử dụng các thao tác trên Excel nên công việc kế toán trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn nhưng

vẫn đảm bảo tính chính xác và kịp thời tạo sự tin cậy cao đối với những người quan tâm đến thông tin kế toán nói chung cũng như tin trên báo cáo tài chính nói riêng.

***Về tổ chức hệ thống kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực và trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy.

Hiệu hết các sổ chi tiết ở công ty đều được xây dựng theo cơ cấu đơn giản, dễ ghi chép và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu cần thiết lẫn nội dung kinh tế chủ yếu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hệ thống tài khoản hiện nay là hệ thống tài khoản do Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 48, công ty luôn cập nhập thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là các chuẩn mực mới về thông tư hướng dẫn, các quyết định của nhà nước. Tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

Chứng từ mà công ty sử dụng đúng với mẫu biểu của bộ tài Chính ban hành từ phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán, các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng, từng khách hàng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

*** Về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh :**

- Về tổ chức kế toán doanh thu và thu nhập

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển công ty đã hoàn thành dần công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh chóng các thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán kế toán được áp dụng theo quy định mới của Bộ Tài Chính.

Kế toán doanh thu đã biết gắn liền với tình hình kinh doanh của công ty với những quy định hạch toán trong doanh thu, luôn phản ánh chính xác kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và nhịp nhàng trong hệ thống hạch toán kế toán tại công ty.

Việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện linh hoạt, mỗi vụ việc do một kế toán đảm nhận.

- **Về tổ chức kế toán chi phí:**

Như chúng ta đã biết chi phí kinh doanh là một vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể theo dõi một cách chặt chẽ. Đáp ứng kịp thời, chính xác theo yêu cầu quản lý.

Việc theo dõi chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng phân xưởng phòng ban đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu công tác đối chiếu chứng từ số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được nhu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh.

- **Về tổ chức kế toán doanh thu :**

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng công ty có kinh nghiệm nên công tác hạch toán doanh thu tại công ty hiện nay khá hiện đại. Với sự hỗ trợ của hệ thống máy vi tính vì vậy doanh thu được hạch toán và được theo dõi chặt chẽ, theo từng bộ phận. Việc hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

3.2.2. Những hạn chế

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí của công ty tương đối hoàn chỉnh song việc xác định kết quả kinh doanh chưa thật sự chi tiết và phản ánh rõ đặc thù tình hình khi doanh thu của doanh nghiệp được tạo ra từ ba nguồn: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, doanh thu khác.

Lợi nhuận đem lại cho doanh nghiệp từ các hoạt động này chênh nhau khá lớn, do đó cần phải làm chi tiết hơn, rõ ràng hơn về vấn đề liên quan tới vấn đề này. Để từ đó Giám đốc công ty có thể đưa ra những định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các khoản thu chi và các hoạt động với nhau nhằm tối đa hoá lợi nhuận một cách tốt nhất.

Công ty không sử dụng các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại...

Hiện nay doanh thu của công ty TNHH sản xuất Trung Đức chủ yếu là sản phẩm của sản xuất kinh doanh của công ty.

Hiện nay công ty TNHH sản xuất Trung Đức có nhiều bạn hàng không những ở Hải Phòng mà còn cả các tỉnh thành phố khác, khách hàng mua hàng của công ty còn cho phép khách hàng trả chậm số tiền hàng bán, tức là doanh nghiệp áp dụng cơ chế mở, hết sức tạo điều kiện cho khách hàng tới mua hàng. Điều này khó có thể tránh được nhưng tiêu cực thường có trong nền kinh tế thị trường là bản thân công ty bị các doanh nghiệp chiếm dụng vốn tương đối nhiều khách hàng cố ý dây dưa công nợ khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng thiếu vốn. Dù vậy công ty vẫn chưa có quy định, biện pháp thu nợ hiệu quả.

- Công việc kế toán vừa thực hiện bằng tay vừa thực hiện bằng máy nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu và việc kiểm tra đối chiếu cũng gặp khó khăn.

- Sổ chi tiết chưa đáp ứng được yêu cầu khi đối chiếu với sổ tổng hợp.

- Chưa có hệ thống mạng nội bộ nên khi giám đốc hoặc các phòng ban muốn nắm bắt được số liệu thì phải trực tiếp đến phòng kế toán.

3.2.3. Những tồn tại cần khắc phục.

3.2.3.1. Tồn tại 1:

**Về hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán doanh thu chưa đúng, chưa đủ so với quy định chung của Bộ Tài Chính(QĐ 48/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/06). Cụ thể mẫu sổ kế toán như: Sổ cái TK, Chứng từ ghi sổ chưa đúng với qui định của Bộ Tài Chính.

Hiện tại công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, mặc dù Chứng từ ghi sổ đã được lập nhưng thiếu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Bảng cân đối sổ phát sinh.

Về Sổ cái TK công ty sử dụng mẫu sổ cái vẫn còn thiếu các mục sau so với mẫu sổ cái theo QĐ 48/2006 của Bộ tài chính. Cụ thể là:

- Địa chỉ công ty: Nêu rõ trụ sở chính công ty nằm tại đâu.
- Ngày tháng ghi sổ: nói rõ ngày tháng ghi sổ là ngày nào nhằm biết được tiến độ làm việc được tiến hành đến đâu.
- Ghi chú: Giúp cho giải thích rõ hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong sổ cái
- Số trang sổ, ngày mở sổ: Ghi rõ số trang của sổ.

**Về thu nhập khác.*

Việc hạch toán nghiệp vụ thu nhập khác: lãi tiền gửi vào TK 811 là không đúng với chuẩn mực.

3.2.3.2 . Tồn tại 2:

**Về hạch toán chi phí giá vốn hàng bán.*

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Định kỳ cuối tháng mới phản ánh vào chứng từ ghi sổ. Theo cách hạch toán giá vốn của công ty là: lấy dòng cộng tổng của hàng xuất trên Bảng chi tiết TK 154, 155. Như vậy rất dễ dẫn đến nhầm lẫn. Phương pháp hạch toán này thiếu Bảng kê chi tiết cho TK giá vốn.

** Về hạch toán chi phí khác.*

Việc hạch toán nghiệp vụ chi phí khác: chi phí lãi tiền vay vào TK 811 là không đúng với chuẩn mực.

3.3. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.

3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các nhu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức tổ chức kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý:

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất Trung Đức. Em mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.3.2. Một số đề xuất

3.3.2.1. Ý kiến khắc phục tồn tại 1

Việc sử dụng mẫu sổ trong hạch toán doanh thu tuân thủ theo quy định chung của Bộ Tài Chính(QĐ 48/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/06). Cụ thể mẫu sổ kế toán như: Sổ cái TK, Chứng từ ghi sổ.

**Về mẫu sổ cái cần bổ sung:*

- Địa chỉ công ty: Nêu rõ trụ sở chính công ty nằm tại đâu.
 - Ngày tháng ghi sổ: nói rõ ngày tháng ghi sổ là ngày nào nhằm biết được tiến độ làm việc được tiến hành đến đâu.
 - Ghi chú: Giúp cho giải thích rõ hơn về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi trong sổ cái
 - Số trang sổ, ngày mở sổ: Ghi rõ số trang của sổ.
- Cụ thể mẫu sổ cái như sau:

Tên DN: Cty TNHH sản xuất Trung Đức

Địa chỉ: Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200160314

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm:...

Tên tài khoản.....

Số hiệu:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	SPS	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong tháng			
			- Cộng SPS tháng			
			- Số dư cuối tháng			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày ... tháng năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Về Chứng từ ghi sổ:*

Về mẫu chứng từ ghi sổ cần bổ sung:

- Địa chỉ công ty: Nêu rõ trụ sở chính công ty nằm tại đâu.
- Ngày tháng ghi sổ: nói rõ ngày tháng ghi sổ là ngày nào nhằm biết được tiến độ làm việc được tiến hành đến đâu.

Cụ thể mẫu chứng từ ghi sổ:

Tên DN: Cty TNHH sản xuất Trung Đức

Địa chỉ: Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200160314

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số...

Ngày ... tháng ... năm ...

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Cộng				

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày...tháng... năm...

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Cụ thể mẫu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo chuẩn mực kế toán quy định như sau:

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm...

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

**Về doanh thu khác:*

Lãi tiền vay: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán,... theo chuẩn mực kế toán hiện hành là được hạch toán vào TK 515. Doanh nghiệp nên sử dụng TK 515 để phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

3.3.2.2. Ý kiến khắc phục tồn tại 2.

**Về hạch toán chi phí giá vốn:*

Bổ sung thêm sổ chi tiết TK 632.

** Về hạch toán chi phí khác.*

Chi phí cho vay và đi vay vốn thuộc về khoản chi phí hoạt động tài chính theo chuẩn mực kế toán hiện hành là được hạch toán vào TK 635. Doanh nghiệp nên sử dụng TK 635 để phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

3.3.2.3. Ý kiến hoàn thiện.

Về thu hồi công nợ

Cần có quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng tới cứng rắn để thu hồi công nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: lợi ích của công ty không bị xâm phạm, đồng thời không bị mất bạn hàng.

Công ty nên áp dụng “chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay phạt... Có như vậy công ty mới nhanh thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh của mình.

Về tổ chức công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán cho thống nhất nhanh gọn, chính xác và mất ít thời gian, đồng thời việc hạch toán dễ dàng để giảm bớt khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí văn phòng và thời gian cho nhân viên kế toán đảm bảo cung cấp số liệu nhanh chóng, chính xác hơn.

Về hệ thống sổ sách

Hệ thống sổ sách nên xây dựng chi tiết hơn để dễ dàng hơn cho những bộ phận khác hoặc những người không trực tiếp làm công tác này có thể tiếp cận và xem xét.

Công ty nên sử dụng mạng nội bộ để tiện lợi hơn trong việc luân chuyển số liệu giữa các bộ phận khi cần thiết.

Về phương thức bán hàng

Ngày nay, nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, nhu cầu dịch vụ, đại lý, giao nhận hàng hoá ngày càng tăng, vì vậy công ty phải biết khai thác tối đa và có hiệu quả những lợi thế có sẵn của mình để mở rộng thị trường như:

- Các mối quan hệ với các công ty vận tải, tàu biển..
- Hệ thống nhà kho sử dụng hết
- Diện tích mặt bằng còn rộng

Những khách hàng quen thuộc, thường xuyên công ty có thể thực hiện chính sách khuyến mãi cho khách hàng.

Những khách hàng không có phương tiện vận tải công ty có thể vận chuyển cho khách hàng với giá ưu đãi.

Công ty nên thực hiện các chính sách ưu đãi và thu hút khách hàng.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tạp thể và cá nhân kinh doanh cùng ngành với doanh nghiệp nên tình hình cạnh tranh rất gay gắt, công ty hiện nay chủ yếu là đang có lượng khách hàng truyền thống là công ty xí nghiệp, đó là nguồn doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp. Vì vậy công ty nên áp dụng tốt hơn biện pháp khuyến mại chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn nhằm giữ được khách hàng. Bằng biện pháp khuyến mãi này có thể công ty còn tăng được số lượng khách hàng trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của cuốn luận văn tốt nghiệp với đề tài:

“ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức” .

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ....phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty do trình độ còn hạn chế và thời gian có hạn nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty em xin phép mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là thầy giáo Lưu Đức Tuyên cùng các cô chú phòng kế toán trong công ty TNHH sản xuất Trung Đức đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề.

Hải Phòng ngày....tháng.....năm....

Sinh viên

Trần Thị Thùy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chế độ kế toán doanh nghiệp* - Quyển 1 - Bộ tài chính - NXB Tài chính - Hà Nội 2006
2. *Chế độ kế toán doanh nghiệp* - Quyển 2 - Bộ tài chính - NXB Tài chính - Hà Nội 2006
3. Các sổ sách chứng từ của Công ty TNHH sản xuất Trung Đức
4. www.ketoan.com.vn
5. *Giáo trình nguyên lý kế toán* - PGS. Nghiêm Văn Linh - NXB Tài chính - Hà Nội 2006

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.1. Ý nghĩa và vai trò của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.2. Yêu cầu quản lý.....	5
1.2. KẾ TOÁN DOANH THU	6
1.2.1. Khái niệm doanh thu	6
1.2.2. Phân loại doanh thu	6
1.2.3. Xác định doanh thu	6
1.2.4. Quy định về ghi nhận doanh thu	7
1.2.5 Chứng từ kế toán sử dụng	12
1.3. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	18
1.3.1. Kế toán chiết khấu thương mại	18
1.3.2. Kế toán hàng bán bị trả lại	20
1.3.3. Kế toán giảm giá hàng bán.....	20
1.4 KẾ TOÁN CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC	21
1.5. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN CHI PHÍ	23
1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	23
1.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	28
1.5.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	30
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	32
1.5.5. Kế toán chi phí khác.....	35
1.6. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	35
1.6.1. Ý nghĩa	35

1.6.2. Thủ tục kế toán.....	36
1.6.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
1.7. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ SÁCH ĐỀ HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	38
1.7.1. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	38
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC	41
2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.	41
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh công ty trách nhiệm sản xuất Trung Đức.	43
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.....	45
2.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	45
2.2.2. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.	47
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC	50
2.2.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức	50
2.2.2. Thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Trung Đức.....	51
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.....	87
3.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ	

XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.	87
3.2. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.	88
3.2.1. Những ưu điểm đạt được.....	88
3.2.2. Những hạn chế	90
3.2.3. Những tồn tại cần khắc phục.....	91
3.3. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TRUNG ĐỨC.....	92
3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện	92
3.3.2. Một số đề xuất	93
KẾT LUẬN	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101